



Số: 432/QĐ-KĐN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu của gói thầu “Phòng ngừa, xử lý côn trùng, động vật gây hại tại các công trình do KĐN quản lý”

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

Căn cứ Quyết định số 393/QĐ-KĐN ngày 11/4/2024 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất và mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1475/QĐ-KĐN ngày 31/12/2025 của Tổng Công ty Khí Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch năm 2026 của Chi nhánh Khí Đông Nam Bộ;

Căn cứ Phạm vi công việc số KĐN.ATMT.PV CV.17 ngày 28/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 176/QĐ-KĐN ngày 12/03/2026 về việc phê duyệt dự toán cho công việc “Phòng ngừa, xử lý côn trùng, động vật gây hại tại các công trình do KĐN quản lý” (Bảng dự toán số 36/DT-KĐN ngày 12/03/2026);

Căn cứ Tờ trình số 169/TMHD-TCG ngày 17/04/2026 về việc phê duyệt HSMT của gói thầu “Phòng ngừa, xử lý côn trùng, động vật gây hại tại các công trình do KĐN quản lý”;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-KĐN ngày 17/04/2026 của Giám đốc Chi nhánh về việc phê duyệt KHLCNT dự toán mua sắm “Phòng ngừa, xử lý côn trùng, động vật gây hại tại các công trình do KĐN quản lý”;

Căn cứ phê duyệt của Giám đốc Công ty tại báo cáo thẩm định số 170/TMHD-TTĐ ngày 17/04/2026 về việc thẩm định HSMT của gói thầu “Phòng ngừa, xử lý côn trùng, động vật gây hại tại các công trình do KĐN quản lý”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hồ sơ mời thầu của gói thầu “Phòng ngừa, xử lý côn trùng, động vật gây hại tại các công trình do KĐN quản lý”, chi tiết như đính kèm.

Điều 2. Tổ chuyên gia có trách nhiệm thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu theo đúng Quy định về lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt

động sản xuất và mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐ-KVN ngày 11/4/2024 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng Thương mại - Hợp đồng và Tổ chuyên gia chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu VT, TMHD.TTr (02).

GIÁM ĐỐC



Lê Tất Thắng

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CTCP
CHI NHÁNH KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

**HỒ SƠ MỜI THẦU
DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN**

Số hiệu gói thầu: 31 /HSMT/KĐN/TMHĐ/2026

Tên gói thầu: Phòng ngừa, xử lý côn trùng, động vật gây hại tại các công trình do KĐN quản lý

Phát hành ngày: ___/___/2026

Ban hành kèm theo Quyết định: 432/QĐ-KĐN ngày 20 / 04 /2026

GIÁM ĐỐC ✓



Lê Tất Thắng

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chi dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Biểu mẫu hợp đồng

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
Quy định lựa chọn nhà thầu PVGAS	Quy định về lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất và mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP ban hành tại Quyết định số 393/QĐ-KDN ngày 11/4/2024 <i>(Quy định này được đăng tải trên trang thông tin đấu thầu của PV Gas (https://tender.pvgas.com.vn)).</i>
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15
Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành về lựa chọn Nhà thầu
VND	Đồng Việt Nam
TBMT	Thông báo mời thầu
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu của Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (tender.pvgas.com.vn)
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
CDNT	Chi dẫn nhà thầu
Tổng công ty/ PVGAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP
KDN	Chi nhánh Khí Đông Nam Bộ - Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại BDL phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận HSDT và được quy định trong HSMT.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, theo quy định của pháp luật về lao động.</p>
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại BDL .
4. Hành vi bị cấm	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị HSDT hoặc rút HSDT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa</p>

	<p>chọn nhà thầu;</p> <p>c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;</p> <p>d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;</p> <p>4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMT đối với cùng một gói thầu;</p> <p>b) Tham gia đánh giá HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;</p> <p>c) Cá nhân thuộc Chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu Chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;</p> <p>d) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế; lập, thẩm định HSMST, HSMT; đánh giá HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;</p> <p>đ) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó, trừ trường hợp nhà thầu tham dự thầu đáp ứng tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5.1.1 CDNT;</p> <p>4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Đấu thầu, bao gồm:</p> <p>a) Nội dung HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ HSDT của Chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSDT; báo cáo của Chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDT trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p>
--	--

MỘT SỐ ĐIỀU KIỆN

	<p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong HSDT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1 Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng điều kiện sau đây:</p> <p>5.1.1 Là Đơn vị trực thuộc hoặc Công ty con của Tổng công ty.</p> <p>5.2.2 Nhà thầu không thuộc Khoản 1 Điều này đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;</p> <p>b) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>c) Không đang trong quá trình giải thể hoặc đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản hoặc pháp luật của nước mà nhà thầu được cấp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu vận dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <p>e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>g) Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngắn.</p> <p>5.2 Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p>

	<p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các Điểm d và g Mục 5.1.2 CDNT.</p>
<p>6. Nội dung của HSMT</p>	<p>6.1. HSMT bao gồm TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chi dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. <p>Phần 3. Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư. HSMT do Chủ đầu tư phát hành là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của TBMT, HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSDT theo yêu cầu của HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi lên Hệ thống và gửi thông báo bằng văn bản tới tất cả nhà thầu đã nhận HSMT từ Chủ đầu tư. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 05 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư là đã nhận được các tài liệu sửa đổi HSMT theo một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu</p>

	<p>đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT.</p> <p>7.3. Chủ đầu tư theo dõi thông tin và kịp thời làm rõ HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu theo dõi, cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại BDL. Chủ đầu tư đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên trang thông tin đấu thầu PVGAS. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSMT gửi cho tất cả nhà thầu đã mua hoặc nhận HSMT từ Chủ đầu tư.</p> <p>7.6. Trường hợp HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT.</p> <p>7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ HSDT của nhà thầu.</p>
<p>8. Chi phí dự thầu</p>	<p>Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp HSDT theo quy định tại TBMT. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>
<p>9. Ngôn ngữ của HSDT</p>	<p>HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>
<p>10. Thành phần của HSDT</p>	<p>HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNT;</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 CDNT;</p> <p>10.4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 CDNT;</p>

	<p>10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 CDNT;</p> <p>10.6. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 12 CDNT (nếu có);</p> <p>10.7. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 13 CDNT;</p> <p>10.8. Các nội dung khác theo quy định tại BDL.</p>
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành HSDT.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT	<p>12.1. Trường hợp HSMT có quy định tại BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Chủ đầu tư có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>
13. Giá dự thầu và giảm giá	<p>13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu.</p> <p>Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn dự thầu hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.</p> <p>Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDT hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được Chủ đầu tư bảo quản như một phần của HSDT và được mở đồng thời cùng HSDT của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDT và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị</p> <p>Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được chủ đầu tư thanh</p>

	<p>toán riêng, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ.</p> <p>Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá/ số tiền giảm giá vào đơn dự thầu/thư giảm giá. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSMT và ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong cột “Danh mục dịch vụ” theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 1E hoặc 11G) Chương IV.</p> <p>13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá/ số tiền giảm giá vào đơn dự thầu trong đó ghi rõ ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá/số tiền giảm giá cho từng phần (trong trường hợp nhà thầu không ghi rõ tỷ lệ giảm giá/ số tiền giảm giá cho từng phần thì được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).</p> <p>13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT. Trường hợp nhà thầu có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 11 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (sau đây gọi là Nghị định số 214/2025/NĐ-CP).</p> <p>13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p>
<p>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p>15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ</p>	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDT để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với</p>

<p>thuật</p>	<p>các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>
<p>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</p>	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu (nếu Chủ đầu tư có yêu cầu), nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
<p>17. Thời hạn có hiệu lực của HSDT</p>	<p>17.1. HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư báo lãnh cho Chủ đầu tư. Trường hợp nhà thầu từ chối gia hạn hiệu lực của đảm bảo dự thầu thì HSDT sẽ không còn giá trị và bị loại. Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản từ chối gia hạn.</p> <p>Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.</p>
<p>18. Bảo đảm dự thầu</p>	<p>18.1 Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu đối với HSDT theo một hoặc các hình thức bằng séc bảo chi hoặc thư báo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc nộp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản thì các thông tin để nhà thầu nộp bảo đảm dự thầu như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Đặt cọc bằng tiền mặt tại Phòng Tài chính Kế toán – Chi

nhánh Khí Đông Nam Bộ.

+ Chuyển khoản vào tài khoản của Chi nhánh Khí Đông Nam Bộ - Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần số 1046321655 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương, Chi nhánh Vũng Tàu

(Nhà thầu phải đảm bảo Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu);

- Trường hợp HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu bằng giấy hoặc đặt cọc/chuyển khoản.
- Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **BDL**. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có

hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định **BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSMT, nhà thầu rút HSMT hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSMT theo yêu cầu của HSMT;
- Nhà thầu vi phạm quy định tại Quy định lựa chọn nhà thầu PVGAS và vận dụng quy định tại Luật Đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;
- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Quy định lựa chọn nhà thầu PVGAS;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu/thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu/thương thảo hợp đồng; hoặc đã đối chiếu tài liệu/thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản đối chiếu tài liệu/thương thảo hợp đồng (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc lý do khác được Cấp có thẩm quyền chấp thuận); không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu trừ trường hợp bất khả kháng; đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng.

18.6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:

	<p>a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Chủ đầu tư được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;</p> <p>b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự.</p> <p>Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.</p>
<p>19. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại BDL.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi TBMT, đăng công khai trên Hệ thống & gửi văn bản thông báo gia hạn HSMT đến tất cả các nhà thầu mua HSMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>20. Nộp, rút và sửa đổi HSDT</p>	<p>20.1. Nộp HSDT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của Chủ đầu tư nhưng phải bảo đảm Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư tiếp nhận HSDT của tất cả các nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu tham dự thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT từ Chủ đầu tư. Trường hợp chưa mua HSMT thì nhà thầu phải trả cho Chủ đầu tư một khoản tiền bằng giá bán HSMT trước khi HSDT được tiếp nhận. - Chủ đầu tư sẽ không xem xét bất kỳ HSDT nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDT nào mà Chủ đầu tư nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDT nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. - Nhà thầu chỉ nộp một bộ HSDT bao gồm 01 bản gốc và 01 bản chụp đối với một TBMT khi tham gia đấu thầu. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. <p>20.2. Sau khi nộp HSDT, nhà thầu có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền hợp lệ. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDT phải được gửi kèm với văn bản thông báo việc sửa đổi, thay thế tương ứng và phải bảo đảm các điều kiện sau:</p>

	<p>a) Được nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Chủ đầu tư theo quy định tại CDNT, trên túi đựng văn bản thông báo phải ghi rõ “SỬA ĐỔI HSDT” hoặc “THAY THẾ HSDT” hoặc “RÚT HSDT”;</p> <p>b) Được Chủ đầu tư tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19 CDNT.</p> <p>20.3. HSDT mà nhà thầu yêu cầu rút lại theo quy định tại Mục 20.2 CDNT sẽ được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT sau thời điểm đóng thầu cho đến khi hết hạn hiệu lực của HSDT mà nhà thầu đã ghi trong đơn dự thầu hoặc đến khi hết hạn hiệu lực đã gia hạn của HSDT.</p> <p>20.5 Quy cách HSDT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Túi đựng HSDT bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDT, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ DỰ THẦU”. - Trường hợp nhà thầu có sửa đổi, thay thế HSDT thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDT, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”. - Trường hợp nhà thầu có đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì toàn bộ phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm cả đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về giá phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDT, bên ngoài phải ghi rõ “ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ”. - Các túi đựng: HSDT; HSDT sửa đổi, HSDT thay thế (nếu có); đề xuất phương án kỹ thuật thay thế (nếu có) phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu. - Trên các túi đựng hồ sơ phải: <ul style="list-style-type: none"> + Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu; + Ghi tên người nhận là tên Chủ đầu tư theo địa chỉ: Chi nhánh Khí Đông Nam Bộ - Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần (KĐN) Số 101 Lê Lợi, P. Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh Điện thoại: 0254.3834174; Fax: 0254.3834171 Người nhận: Ông Lê Tất Thắng – Giám đốc. Địa điểm nộp hồ sơ: Bộ phận Văn thư KĐN – P.206. + Ghi tên gói thầu theo quy định tại Mục 1.2 CDNT; + Ghi dòng chữ cảnh báo “Không được mở trước thời điểm mở thầu”. - Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMT này như không niêm
--	--

	<p>phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến Chủ đầu tư, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn tại CDNT. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên.</p>
<p>21. Mở thầu</p>	<p>21.1 Chủ đầu tư phải mở công khai và đọc to, rõ các thông tin quy định tại Mục 21.3 CDNT của tất cả HSDT đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở thầu phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại BDL trước sự chứng kiến của đại diện của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; trường hợp không có nhà thầu nộp HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>21.2. Trường hợp nhà thầu có đề nghị rút hoặc thay thế HSDT thì trước tiên Chủ đầu tư sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “RÚT HSDT”, túi đựng HSDT của nhà thầu có đề nghị rút HSDT sẽ được giữ nguyên niêm phong và trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ không chấp nhận cho nhà thầu rút HSDT và vẫn mở HSDT tương ứng nếu văn bản thông báo “RÚT HSDT” không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu và phải được công khai trong lễ mở thầu.</p> <p>Tiếp theo, Chủ đầu tư sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “THAY THẾ HSDT” và HSDT thay thế này sẽ được thay cho HSDT bị thay thế. HSDT bị thay thế sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ không chấp nhận cho nhà thầu thay thế HSDT nếu văn bản thông báo thay thế HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu và phải được công khai trong lễ mở thầu.</p> <p>Đối với các túi đựng văn bản thông báo “SỬA ĐỔI HSDT” thì văn bản thông báo gửi kèm sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSDT sửa đổi tương ứng. Chủ đầu tư sẽ không chấp nhận cho nhà thầu sửa đổi HSDT nếu văn bản thông báo sửa đổi HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu. Chỉ có các HSDT được mở và đọc tại buổi mở HSDT mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.</p> <p>21.3. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:</p> <p>a) Kiểm tra niêm phong;</p>

	<p>b) Mở bản gốc HSDT, HSDT sửa đổi (nếu có) hoặc HSDT thay thế (nếu có) và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Số lượng bản gốc, bản chụp HSDT; - Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu, giá ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu; - Giá trị giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có) <p>Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì còn phải đọc giá dự thầu và giá trị giảm giá (nếu có) cho từng phần. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.</p> <p>c) Đại diện của Chủ đầu tư phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng hồ sơ dự thầu. Chủ đầu tư không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 20.1 CDNT.</p> <p>21.4. Chủ đầu tư phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 21.3 CDNT. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Chủ đầu tư và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.</p>
<p>22. Bảo mật</p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp mở HSDT, làm rõ HSDT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu (nếu Chủ đầu tư có yêu cầu đối chiếu tài liệu), nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p>23. Làm rõ</p>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo</p>

<p>HSDT</p>	<p>yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Tất cả các yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư và phản hồi của nhà thầu phải được thực hiện bằng văn bản.</p> <p>23.3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDT.</p> <p>23.4. Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện HSDT của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì được phép tự gửi tài liệu đến Chủ đầu tư để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Trong khoảng thời gian theo quy định tại BDL, Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT. Chủ đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc đã nhận được các tài liệu làm rõ của nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, máy móc, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá HSDT.</p>
<p>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót</p>	<p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu</p>

<p>nội dung</p>	<p>nêu trong HSMT; 24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.</p>
<p>25. Xác định tính đáp ứng của HSDT</p>	<p>25.1. Chủ đầu tư sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT. 25.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà: a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng; b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT . 25.3. Chủ đầu tư phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định tại Mục 15 CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản. 25.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT nhằm làm cho HSDT đó đáp ứng cơ bản HSMT.</p>
<p>26. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>26.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT. 26.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư. 26.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so</p>

	sánh các HSDT.
27. Nhà thầu phụ	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc của gói thầu.</p> <p>27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>27.6. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: lập, thẩm tra thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định HSMT; đánh giá HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển (nếu có), kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.</p>
28. Ưu đãi trong lựa chọn	<p>28.1 Nguyên tắc ưu đãi:</p> <p>a) Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn</p>

<p>nhà thầu</p>	<p>một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi nhất cho nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính.</p> <p>b) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng.</p> <p>c) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu, dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu.</p> <p>28.2. Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi theo quy định tại BDL.</p> <p>28.3. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá.</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p> <p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;</p> <p>đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn ;</p> <p>e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;</p> <p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;</p>
------------------------	--

	<p>h) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).</p> <p>28.4. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 28.2 và Mục 28.3 CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong HSDT.</p> <p>28.5. Nhà thầu phải kê khai về dịch vụ được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 12 Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì dịch vụ của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.6. Trường hợp dịch vụ do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p> <p>28.7. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu cung cấp không phải đáp ứng điều kiện về bảo đảm cạnh tranh trong nội dung đánh giá về tư cách hợp lệ và yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu để chứng minh dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.8. Các ưu đãi khác theo quy định tại BDL.</p>
<p>29. Đánh giá HSDT</p>	<p>29.1. Chủ đầu tư áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại BDL để đánh giá HSDT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào HSDT của các nhà thầu đã nộp đến Chủ đầu tư trước thời điểm đóng thầu và phương pháp đánh giá HSDT tại Mục 29.1 CDNT, Chủ đầu tư chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá HSDT dưới đây cho phù hợp để đánh giá HSDT.</p> <p>29.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “Giá đánh giá” và “Giá thấp nhất”):</p> <p>a) Bước 1: Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <p>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.</p> <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <p>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.</p> <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.</p> <p>d) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Chủ đầu tư lập danh sách</p>

xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại **BDL**. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.

e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo/đối chiếu tài liệu (nếu Chủ đầu tư có yêu cầu) theo quy định tại Mục 30 CDNT. Nhà thầu được mời vào thương thảo/đối chiếu tài liệu không đáp ứng quy định của HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo/đối chiếu tài liệu;

Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu có thể thay đổi nhân sự chủ chốt nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất” và các nhà thầu, HSDT đều không có bất kỳ ưu đãi nào):

a) Bước 1: Căn cứ vào kết quả đánh giá về giá, xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giảm giá (nếu có) được xếp hạng thứ nhất (không phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu trong trường hợp này). Chủ đầu tư tiến hành đánh giá HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất căn cứ vào kết quả đánh giá về giá như nêu trên. Trường hợp có nhiều nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất bằng nhau thì tiến hành đánh giá tất cả các nhà thầu này.

b) Bước 2: Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của nhà thầu xếp hạng thứ nhất theo quy định tại điểm a Mục 29.3 CDNT.

c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu xếp hạng thứ nhất theo quy định tại điểm b Mục 29.3 CDNT.

d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật của nhà thầu xếp hạng thứ nhất theo quy định tại điểm c Mục 29.3 CDNT.

đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào thương thảo hợp đồng/đối chiếu tài liệu (nếu Chủ đầu tư thấy cần thiết).

Trường hợp HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

29.5. Nguyên tắc đánh giá HSDT:

a) Việc đánh giá HSDT phải căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá HSDT và các yêu cầu khác trong HSMT, các tài liệu giải thích, làm rõ HSDT của nhà thầu. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

b) Việc đánh giá được thực hiện trên bản chụp, nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh

giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu bị loại, nhà thầu bị coi là có hành vi gian lận và bị xử lý theo quy định.

c) Đối với các yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc: Trường hợp HSMT có quy định thì được phép cho nhà thầu bổ sung, làm rõ nếu nhà thầu chưa cung cấp các tài liệu này trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu.

d) Đối với nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công (nếu HSMT có yêu cầu): Trường hợp nhân sự, thiết bị do nhà thầu cung cấp không đáp ứng yêu cầu của HSMT thì cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung nhân sự, thiết bị khác. Nhà thầu chỉ được bổ sung thay thế nhân sự, thiết bị không đáp ứng nêu trên một lần theo đề nghị làm rõ của Chủ đầu tư, thời gian để nhà thầu làm rõ không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại.

Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

đ) Đối với đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự (nếu HSMT có yêu cầu): Trường hợp các hợp đồng do nhà thầu cung cấp không đáp ứng yêu cầu của HSMT thì cho phép nhà thầu bổ sung các hợp đồng tương tự khác một lần theo đề nghị làm rõ của Chủ đầu tư, thời gian để nhà thầu làm rõ không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại.

e) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu (nếu Chủ đầu tư có yêu cầu đối chiếu tài liệu) phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong HSDT. Nhà thầu phải thực hiện đối chiếu tài liệu đối với thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế,

	nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm.
30. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng (nếu cần thiết)	<p>30.1. Nhà thầu xếp thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Trường hợp Chủ đầu tư có yêu cầu đối chiếu tài liệu đối với nhà thầu được mời thương thảo, Chủ đầu tư sẽ liệt kê cụ thể danh sách các tài liệu mà nhà thầu phải cung cấp để đối chiếu. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp (nếu Chủ đầu tư có yêu cầu nộp tài liệu để đối chiếu) sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.</p> <p>Khi đó việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Báo cáo đánh giá HSDT; HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu; HSMT và các tài liệu làm rõ, sửa đổi HSMT (nếu có). <p>30.2. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSMT; Trong quá trình đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bảng tiên lượng mời thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế, yêu cầu của gói thầu thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; Việc thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu hoặc phần khối lượng mời thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế, yêu cầu của gói thầu: trường hợp trong hồ sơ dự thầu chưa có đơn giá thì xem xét việc áp đơn giá thấp nhất của các nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật hoặc theo đơn giá thỏa thuận nhưng đảm bảo thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu, trường hợp gói thầu thực hiện theo hình thức hợp đồng trọn gói thì tổng giá dự thầu sau khi thực hiện thương thảo tại Điểm này phải đảm bảo không vượt dự toán gói thầu. <p>30.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng; Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu nếu trong HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế; Thương thảo về nhân sự:

	<p>Nhà thầu có thể thay đổi nhân sự thực hiện gói thầu nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>d) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>e) Thương thảo về giảm giá (nếu có);</p> <p>f) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>30.4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).</p> <p>30.5. Trường hợp thương thảo không thành công (không phải do việc thương thảo về giảm giá quy định tại Điểm e Mục 30.3 CDNT), Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại Điểm a Mục 32.1 CDNT.</p> <p>30.6. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể thương thảo hợp đồng trực tiếp với Chủ đầu tư, Chủ đầu tư có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p>
<p>31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>31.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III.</p> <p>31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III.</p> <p>31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III.</p> <p>31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại BDL.</p> <p>31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại BDL.</p>
<p>32. Hủy thầu</p>	<p>32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong HSMT;</p> <p>c) HSMT không tuân thủ quy định của Quy định lựa chọn nhà thầu PVGAS, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói</p>

	<p>thầu;</p> <p>d) Giá dự thầu/dề xuất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá của tất cả các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật cao bất thường so với dự toán gói thầu được duyệt mà Cấp có thẩm quyền xét thấy không cần thiết xử lý tình huống theo quy định tại Điều 77 của Quy định lựa chọn nhà thầu PVGAS.</p> <p>đ) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>e) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>f) Thay đổi kế hoạch mua sắm, nhu cầu mua sắm, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.</p> <p>32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các Điểm c, đ và e Mục 32.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại Điểm đ và Điểm e Mục 32.1 CDNT.</p>
<p>33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>33.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống và gửi thông báo đến các nhà thầu tham dự thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu trúng thầu; - Giá trúng thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các nội dung cần lưu ý (nếu có). <p>b) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>c) Kế hoạch hoàn thiện (nếu cần thiết, tùy tính chất gói thầu), ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.</p> <p>33.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị bằng văn bản đến Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>

<p>34. Thay đổi khối lượng dịch vụ</p>	<p>34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSDT và HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>34.2. Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng.</p>
<p>35. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi văn bản thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng đến nhà thầu, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 13 Chương VI cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu.</p>
<p>36. Điều kiện ký kết hợp đồng</p>	<p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.</p> <p>36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
<p>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>37.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Biểu mẫu hợp đồng - Chương VI. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

	c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp bằng văn bản đến Chủ đầu tư. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại BDL .
39. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu	Không áp dụng.

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Chi nhánh Khí Đông Nam Bộ - Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần (KĐN).
CDNT 1.2	Tên gói thầu, dự toán mua sắm: Phòng ngừa, xử lý côn trùng, động vật gây hại tại các công trình do KĐN quản lý.
CDNT 3	Nguồn vốn: Sản xuất kinh doanh.
CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: Không.
CDNT 10.8	Không yêu cầu.
CDNT 12.1	Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của HSDT là: ≥ 90 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 18.2	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị bảo đảm dự thầu: 5.500.000 đồng (VND). - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 120 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tòa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
CDNT 19.1	Thời gian đóng thầu: giờ ngày tháng năm 2026.
CDNT 21.1	Thời gian mở thầu: giờ ngày tháng năm 2026. Địa điểm mở thầu: Phòng 210, Trụ sở KĐN, số 101 Lê Lợi, P. Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
CDNT 23.4	Thời gian nhà thầu được gửi tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình: Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: Không áp dụng.
CDNT 28.2	Cách tính ưu đãi: Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi như sau: Nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch,

	trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu đó để so sánh, xếp hạng.
CDNT 29.1	<p>Phương pháp đánh giá HSDT là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.
CDNT 29.3 (đ)	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
CDNT 31.4	<p>Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất;</p> <p>Đối với gói thầu được chia làm nhiều phần (lô), việc đánh giá HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm: giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.</p>
CDNT 31.5	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: Giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.
CDNT 34	<p>Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 10%.</p> <p>Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 10%.</p>
CDNT 38.2	<p>Địa chỉ của Chủ đầu tư/Người có thẩm quyền:</p> <p>Chi nhánh Khí Đông Nam Bộ - Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần (KĐN)</p> <p>Số 101 Lê Lợi, P. Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh</p> <p>Điện thoại: 0254-3834174; Fax: 0254-3834171</p> <p>Người nhận: Ông Lê Tất Thắng – Giám đốc.</p>

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT

1.1. Kiểm tra HSDT:

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;
- b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDT, bao gồm đơn dự thầu; thỏa thuận liên danh (nếu có); giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu.
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDT.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT:

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDT;
- b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT;

Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật;

Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư;

Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh.

- c) Hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định trong HSMT;
- d) Có bảo đảm dự thầu đáp ứng yêu cầu theo quy định trong HSMT;
- e) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu.
- f) Trường hợp nhà thầu liên danh, thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.
- g) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 CDNT.

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm (như quy định tại Phụ lục 01 đính kèm).

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật (như quy định tại Phụ lục 02 đính kèm).

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp đánh giá về giá: Phương pháp giá thấp nhất.

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi;

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch;

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 CDNT;

Bước 6. Xếp hạng nhà thầu: HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

- Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong hồ sơ dự thầu bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:
- + Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp hồ sơ mời thầu có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số liệu trong bảng phân tích đơn giá dự thầu chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;
- + Các lỗi khác:
 - Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định về Hiệu chỉnh sai lệch nêu dưới đây.
 - Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của hồ sơ mời thầu;
 - Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.
- Hiệu chỉnh sai lệch:
 - + Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu có sai lệch;
 - + Trường hợp trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy

mức đơn giá chào cao nhất đối với nội dung này trong số các hồ sơ dự thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong hồ sơ dự thầu của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

- + Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu này; trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.
- + Trường hợp nhà thầu chào thiếu thuế, phí, lệ phí phải nộp theo yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu thì Chủ đầu tư phải cộng các chi phí đó vào giá dự thầu.
- + Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.
- Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định nêu trên, Chủ đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch đối với hồ sơ dự thầu của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, nhà thầu phải có văn bản gửi Chủ đầu tư về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo thì HSDT của nhà thầu đó sẽ bị loại.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT (nếu có)

Không áp dụng.

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)

Không áp dụng.

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Trách nhiệm thực hiện	
		Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)	X	
2	Mẫu số 01B. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)	Không áp dụng	
3	Mẫu số 01C. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)	Không áp dụng	
4	Mẫu số 01D. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)	Không áp dụng	
5	Mẫu số 01E. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng theo thời gian)	Không áp dụng	
6	Mẫu số 01G. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng hỗn hợp)	Không áp dụng	
7	Mẫu số 02. Đơn dự thầu		X
8	Mẫu số 02A. Giấy ủy quyền		X
9	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh		X
10	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i>)		X
11	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i>)		X
12	Mẫu số 05: Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện		X
14	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt		X
15	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt		X
16	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn		X
17	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu		X
18	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu		X
19	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu		X
20	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ	Không áp dụng	
21	Mẫu số 09B. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu		X



STT	Biểu mẫu	Trách nhiệm thực hiện	
		Chủ đầu tư	Nhà thầu
22	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ thực hiện		X
23	Mẫu số 10B. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)	Không áp dụng	
24	Mẫu số 10C. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng loại hợp đồng theo thời gian)	Không áp dụng	
25	Mẫu số 11A. Bảng giá dự thầu (áp dụng loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)		X
26	Mẫu số 11B. Bảng giá dự thầu (áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định)	Không áp dụng	
27	Mẫu số 11C. Bảng giá dự thầu (áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)	Không áp dụng	
28	Mẫu số 11D. Bảng giá dự thầu (áp dụng loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)	Không áp dụng	
29	Mẫu số 11E. Bảng giá dự thầu (áp dụng loại hợp đồng theo thời gian)	Không áp dụng	
30	Mẫu số 11G. Bảng giá dự thầu (áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)	Không áp dụng	
31	Mẫu số 12. Bảng kê khai dịch vụ được hưởng ưu đãi		X

1027
 HI NHÃI
 DÒNG N
 NG CÔ
 VIỆT N
 NG TỶ C
 A U-TP

PHẠM VI CUNG CẤP*(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)*

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ(*)	Khu vực xử lý	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Xử lý và phòng ngừa côn trùng (ruồi, muỗi)	Trọng điểm	12.943	m ²		
		Ngoại biên	11.920	m ²		
2	Xử lý và phòng ngừa mối	Trọng điểm	12.943	m ²		
		Ngoại biên	73.214	m ²		
3	Xử lý và phòng ngừa chuột	Trọng điểm	10.422	m ²		
		Ngoại biên	13.658	m ²		
4	Xử lý và xua đuổi rắn	Khuôn viên toàn trạm	17.932	m ²		

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7): Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục công việc cụ thể, đơn vị tính, khối lượng, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày hoàn thành các nội dung công việc để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(*) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V (nếu có).

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các dịch vụ như Mẫu này.

ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: ____

Tên gói thầu: _____ <Ghi tên gói thầu>.

Kính gửi: _____ <Ghi tên Chủ đầu tư>

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: _____ cam kết thực hiện gói thầu _____ <Ghi tên gói thầu> theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ (VND) cùng với các bảng giá dự thầu kèm theo. Số tiền bằng chữ: _____ ⁽²⁾

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với số tiền/tỷ lệ phần trăm giảm giá là: _____ ⁽³⁾

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ (VND) (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)). Số tiền bằng chữ: _____

Thời gian thực hiện gói thầu là _____ ⁽⁴⁾

Bảo đảm dự thầu: _____ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu: _____ [ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;
7. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực;
8. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;
9. Nếu HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 CDNT của HSMT;
10. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu;

HSDT này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày ⁽⁵⁾, kể từ ngày _____ tháng _____ năm

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Chủ đầu tư, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDT, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.
- (2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư.
- (3) Ghi rõ giảm giá cho toàn bộ gói thầu hay giảm giá cho một hoặc nhiều công việc, hạng mục nào đó (nếu rõ công việc, hạng mục được giảm giá).
- (4) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật nêu trong HSDT.
- (5) Thời gian có hiệu lực của HSDT được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.
- (6) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại HSMT.
- (7) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02A Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02A Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu của Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm hành vi bị cấm trong đấu thầu quy định tại Mục 4 CDNT.

GIẤY ỦY QUYỀN¹

Hôm nay, ngày ___ tháng ___ năm ____, tại _____

Tôi là _____ [Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _____ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _____ [Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] do _____ [Ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[-Ký đơn dự thầu;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu là nhà thầu liên danh);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham gia dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSĐT; ký văn bản sửa đổi, thay thế, rút HSĐT;

- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.²

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của _____ [Ghi tên nhà thầu]. _____ [Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do _____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ___ đến ngày ____³. Giấy ủy quyền này được lập thành ___ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ___ bản, người được ủy quyền giữ ___ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

¹ Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư cùng với đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNT. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

² Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

³ Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: _____

Gói thầu: _____ <Ghi tên gói thầu>

Căn cứ HSMT Gói thầu: _____ <Ghi tên gói thầu>

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ n: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ <Ghi tên gói thầu> thuộc dự toán mua sắm _____ <Ghi tên dự toán mua sắm>.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ <Ghi tên gói thầu> thuộc dự toán mua sắm ____ <Ghi tên dự toán mua sắm> đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [Ghi tên nhà thầu đứng đầu liên danh] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT, sửa đổi, thay thế HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Thực hiện nguồn lực tài chính cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)]

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽⁴⁾:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ <Ghi tên gói thầu> thuộc dự toán mua sắm ____ <Ghi tên dự toán mua sắm> theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ____ bản, mỗi bên giữ __ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(2) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)*

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ___ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư hoặc tên Chủ đầu tư]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ___ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ___ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/TBMT/HSMT số ___ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/TBMT/HSMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;
2. Nhà thầu vi phạm quy định tại Quy định lựa chọn nhà thầu PVGAS và vận dụng quy định tại Luật Đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;
3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Quy định lựa chọn nhà thầu PVGAS;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu (nếu Chủ đầu tư có yêu cầu) hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;
6. Nhà thầu đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 18.2 BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 CDNT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)*

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ___ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư hoặc ghi tên Chủ đầu tư]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ___ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ___ *[ghi tên nhà thầu]⁽²⁾* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/TBMT số ___ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;
2. Nhà thầu vi phạm quy định tại Quy định lựa chọn nhà thầu PVGAS và vận dụng quy định tại Luật Đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;
3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Quy định lựa chọn nhà thầu PVGAS;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu (nếu Chủ đầu tư có yêu cầu) hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;
6. Nhà thầu đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___ *[ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh]* vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ

không được hoàn trả.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 CDNT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

PHẦN
THỨ
NHƯ
CƠ
CƠ

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>	
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Giá hợp đồng ⁽³⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i> Tương đương _____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>	
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>	
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i> <i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i> <i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>	
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾		
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>	
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>	
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>	
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>	

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

- (2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.
- (3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và nhân sự của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì HSDT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động nhân sự để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ nhân sự theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1		
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C Chương IV.

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN⁽¹⁾

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2				
...	...			

Ghi chú:

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của nhân sự, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu, Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và thiết bị của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì HSDT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động thiết bị để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ thiết bị theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu thì nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất (*)	Năm sản xuất (*)
	Tính năng	Xuất xứ Số đăng ký/dăng kiểm (nếu có)
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị <input type="checkbox"/> Sở hữu của nhà thầu <input type="checkbox"/> Đi thuê <input type="checkbox"/> Cho thuê <input type="checkbox"/> Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu
	Địa chỉ chủ sở hữu

	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN
THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III

- Không có hoặc có 01 hợp đồng (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.
- Có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSMT			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

❖ **Tài liệu đính kèm để chứng minh nội dung đã kê khai:**

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;

- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

- Các tài liệu khác.

Trường hợp cần thiết Chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu nộp một hoặc nhiều tài liệu chứng thực như nêu trên trong quá trình đối chiếu tài liệu.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (7): Ghi theo thông tin của HSMT.
- Cột (8): Nhà thầu điền

BẢNG GIÁ DỰ THẦU*(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)*

STT	Nội dung công việc	Khu vực xử lý	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Mức thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Xử lý và phòng ngừa côn trùng (ruồi, muỗi)	Trọng điểm	m ²	12.943			
		Ngoại biên	m ²	11.920			
2	Xử lý và phòng ngừa mối	Trọng điểm	m ²	12.943			
		Ngoại biên	m ²	73.214			
3	Xử lý và phòng ngừa chuột	Trọng điểm	m ²	10.422			
		Ngoại biên	m ²	13.658			
4	Xử lý và xua đuổi rắn	Khuôn viên toàn trạm	m ²	17.932			
A	TỔNG (CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT):						
B	THUẾ VAT (8%)						
C	TỔNG CỘNG (ĐÃ BAO GỒM THUẾ VAT): C = A + B						

Ghi chú:

- Nhà thầu điền đơn giá, thành tiền cho tất cả các hạng mục công việc. Giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào



đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

- Đối với thuế VAT, nhà thầu được yêu cầu chào với mức thuế suất quy định tại cột (8) cho tất cả hạng mục. Thuế VAT là giá trị được tính toán tại thời điểm phê duyệt Dự toán của gói thầu và sẽ được điều chỉnh chính xác theo quy định về chính sách thuế của nhà nước tại thời điểm thanh toán cho nhà thầu.



BẢNG KÊ KHAI DỊCH VỤ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI

Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi đối với các nội dung mà nhà thầu kê khai theo bảng dưới đây. Trường hợp nhà thầu không tích chọn thì không được hưởng ưu đãi về nội dung này.

Nội dung	Có	Không
Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ⁽¹⁾	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Dịch vụ là sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP mà sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong 6 năm gần đây ⁽²⁾	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú:

(1), (2): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng. Trường hợp nhà thầu tích chọn vào “Có” nội dung (1) thì nhà thầu tiếp tục chọn nội dung (2).

Trường hợp nhà thầu tích chọn “Có” thì nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong HSDT.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

1. Giới thiệu chung về gói thầu:

- Tên gói thầu: Phòng ngừa, xử lý côn trùng, động vật gây hại tại các công trình do KĐN quản lý.
- Địa điểm thực hiện công việc: Các công trình do KĐN quản lý.

2. Khối lượng mời thầu:

- Theo quy định cụ thể tại Mẫu số 01A.

3. Phạm vi công việc và thời gian thực hiện gói thầu

- Phạm vi công việc của gói thầu: Theo quy định trong Phạm vi công việc số KĐN.ATMT.PVCV.17 ngày 27/02/2026 về việc “Phòng ngừa, xử lý côn trùng, động vật gây hại tại các công trình do KĐN quản lý” (đính kèm).
- Thời gian thực hiện gói thầu/ thời gian hoàn thành công việc: Thời gian thực hiện công việc là 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Trong đó số lần thực hiện là 4 đợt, mỗi đợt là 10 ngày làm việc theo thông báo của KĐN hoặc khi có yêu cầu của KĐN tùy theo tình hình thực tế tại các địa điểm.

4. Yêu cầu về kỹ thuật

Nhà thầu phải tuân thủ theo các yêu cầu kỹ thuật quy định trong phạm vi công việc số KĐN.ATMT.PVCV.17 ngày 27/02/2026 về việc “Phòng ngừa, xử lý côn trùng, động vật gây hại tại các công trình do KĐN quản lý” đã được Giám đốc KĐN phê duyệt (chi tiết như đính kèm).



TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
CHI NHÁNH KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

PHẠM VI CÔNG VIỆC

**PHÒNG NGỪA, XỬ LÝ CÔN TRÙNG, ĐỘNG VẬT GÂY HẠI
TẠI CÁC CÔNG TRÌNH DO KDN QUẢN LÝ**

	HỌ & TÊN	CHỨC DANH	CHỮ KÝ
SOẠN THẢO	Lê Tiến Dũng	Chuyên viên Phòng ATMT	
KIỂM TRA	Đỗ Thị Minh Tâm	Phó phòng ATMT	
PHÊ DUYỆT	Hoàng Hải Thành	Phó Giám đốc	
Số: KDN.ATMT.PVCV.17		Số trang: 10	
Lần ban hành: Rev.01		Ngày ban hành: 28/01/2026	



**PHÒNG NGỪA, XỬ LÝ CÔN TRÙNG, ĐỘNG VẬT GÂY HẠI
TẠI CÁC CÔNG TRÌNH DO KDN QUẢN LÝ**

KDN.ATMT.PVCV.17

Rev.01

Trang: 2/10

MỤC LỤC

1.	MỤC ĐÍCH:	3
2.	PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG:	3
3.	TÀI LIỆU LIÊN QUAN.....	3
4.	PHẠM VI CÔNG VIỆC.....	3
4.1.	Các công trình, địa điểm thực hiện.....	3
4.2.	Khối lượng công việc:	5
5.	YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU	7
5.1.	Yêu cầu về tư cách pháp nhân và năng lực:	7
5.2.	Yêu cầu về đội ngũ nhân sự thực hiện công việc:	7
5.3.	Yêu cầu về thiết bị, thuốc, hóa chất thực hiện công việc:	7
6.	TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN:.....	8
6.1.	Trách nhiệm của Chi nhánh Khí Đông Nam Bộ (KDN):.....	8
6.2.	Trách nhiệm của nhà thầu:.....	8
6.2.1.	Trách nhiệm thực hiện công việc:	8
6.2.2.	Trách nhiệm về an toàn trong quá trình thực hiện công việc:.....	8
	PHỤ LỤC 1:	10



**PHÒNG NGỪA, XỬ LÝ CÔN TRÙNG, ĐỘNG VẬT GÂY HẠI
TẠI CÁC CÔNG TRÌNH DO KĐN QUẢN LÝ**

KĐN.ATMT.PVCV.17

Rev.01

Trang: 3/10

1. MỤC ĐÍCH

- Đưa ra các yêu cầu để lựa chọn nhà thầu có đủ điều kiện, năng lực, kinh nghiệm thực hiện phòng ngừa, xử lý côn trùng, động vật gây hại để đảm bảo vệ sinh môi trường và phòng chống dịch bệnh tại các công trình do KĐN quản lý (sau đây gọi tắt là công việc).

2. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

- **Phạm vi áp dụng:** Áp dụng cho việc đề xuất biện pháp thực hiện và kiểm soát tình hình, tiến độ, kết quả thực hiện công việc.
- **Đối tượng áp dụng:** Nhà thầu thực hiện việc phòng ngừa, xử lý côn trùng, động vật gây hại tại các công trình do KĐN quản lý và các Bộ phận có liên quan của KĐN.
 - + **Côn trùng gây hại** đề cập trong PVCV này là những loại côn trùng có hại phổ biến như ruồi, muỗi, kiến, gián, bọ chét.... các loại mối phá hoại công trình xây dựng như mối đất, mối nhà, mối gỗ khô, mối cánh cứng.
 - + **Động vật gây hại** đề cập trong PVCV này là những loại rắn độc phổ biến như các loại rắn lục, rắn hổ, rắn cạp nong..., những loại chuột phổ biến phá hoại nhà cửa, công trình như chuột cống, chuột đàn, chuột nhắt... hoặc các động vật gây hại khác nếu có phát sinh.

3. TÀI LIỆU LIÊN QUAN

- Mã công việc 26AT048 - Kế hoạch tài chính năm 2026.
- Quy trình quản lý nhà thầu.
- Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội.
- Quy trình cấp phép làm việc.
- Phạm vi công việc số KVT.ATMT.PVCV.356 rev 4 ngày 25/02/2025 về việc Thực hiện xử lý côn trùng có hại cho các công trình do KVT quản lý.
- Phạm vi công việc số KĐN.PVXH.PVCV.2025.12 ngày 17/02/2025 về việc Thuê nhà thầu thực hiện phòng ngừa, xử lý côn trùng, động vật gây hại tại các công trình do KĐN quản lý.
- Định mức KTKT số PVGAS.PL0.ĐMAT.10 Diệt chuột, ruồi muỗi, côn trùng và xua đuổi rắn tại GPP, KCTV, khu 101 Lê Lợi và các trạm phân phối khí.

4. PHẠM VI CÔNG VIỆC

4.1. Các công trình, địa điểm thực hiện

KĐN đang được Tổng công ty giao quản lý, vận hành trụ sở 101 Lê Lợi, Nhà máy xử lý khí Dinh Cố và các Trạm, Trung tâm Phân phối khí trên bờ trái dải qua các tỉnh Đồng Nai và Thành Phố Hồ Chí Minh. Các công trình do KĐN quản lý cần xử lý côn trùng và vật nguy hại bao gồm:



**PHÒNG NGỪA, XỬ LÝ CÔN TRÙNG, ĐỘNG VẬT GÂY HẠI
TẠI CÁC CÔNG TRÌNH DO KDN QUẢN LÝ**

KDN.ATMT.PVCV.17

Rev.01

Trang: 4/10

Stt	Công trình/ địa điểm	Địa chỉ/ liên lạc
1	Trụ sở văn phòng (Khu 101 và 266 Lê Lợi).	101 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh Số điện thoại: 0254.3834174
2	Nhà máy GPP	Tỉnh lộ 44, xã Long Điền, Tp. Hồ Chí Minh
3	Trạm van Long Hải	Xã Long Hải, Tp. Hồ Chí Minh. Số điện thoại: 0254.3867783
4	Trạm van Sóng Dinh	Phường Bà Rịa, Tp. Hồ Chí Minh Số điện thoại: 0254.3824150
5	Trạm phân phối khí Bà Rịa	Phường Long Hương, Tp. Hồ Chí Minh Số điện thoại: 0254.3825986
6	Trạm van Phước Hòa	Phường Tân Hải, Tp. Hồ Chí Minh. Số điện thoại: 0254.3891304.
7	Trạm van Hội Bài	Phường Tân Hải, Tp. Hồ Chí Minh.
8	Trung tâm phân phối khí Phú Mỹ	KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh Số điện thoại: 0254.3895909
9	Trung tâm phân phối khí Nhơn Trạch và nhà nghỉ	KCN Ông Kèo, xã Đại Phước tỉnh Đồng Nai. Số điện thoại: 0251.3566138
10	Trạm van số 1 Nhơn Trạch	xã Phước An, tỉnh Đồng Nai
11	Trạm van số 2 Nhơn Trạch	xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai
12	Trạm phân phối khí Hiệp Phước và nhà nghỉ.	KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Tp. Hồ Chí Minh Số điện thoại: 028.38734429



**PHÒNG NGỪA, XỬ LÝ CÔN TRÙNG, ĐỘNG VẬT GÂY HẠI
TẠI CÁC CÔNG TRÌNH DO KDN QUẢN LÝ**

KDN.ATMT.PVCV.17

Rev.01

Trang: 5/10

4.2. Khối lượng công việc:

Stt	Nội dung	Côn trùng (Ruồi, muỗi...)/m ²	Mối/m ²	Chuột/m ²	Rắn/m ²
1.	Khu văn phòng 101 (Gồm 101 LL, 266 LL)	- Trọng điểm: 4280 m ² . - Ngoại biên: 1.000 m ² .	- Trọng điểm: 4280 m ² . - Ngoại biên: 1.000 m ² .	- Trọng điểm: 4280 m ² . - Ngoại biên: 1.000 m ² .	4180 m ²
2.	Nhà máy xử lý Khí Dinh Cố	- Trọng điểm: 2150 m ² . - Ngoại biên: 1.100 m ² .	- Trọng điểm: 2150 m ² . - Ngoại biên: 1.100 m ² .	- Trọng điểm: 2150 m ² . - Ngoại biên: 1.100 m ² .	9150 m ²
3.	Trạm Phú Mỹ (gồm GDC+GDS)	- Trọng điểm: 2.836 m ² . - Ngoại biên: 1.150 m ² .	- Trọng điểm: 2.836 m ² . - Ngoại biên: 41.150 m ² .	- Trọng điểm: 895 m ² . - Ngoại biên: 895 m ² .	
4.	Trạm Bà Rịa	- Trọng điểm: 980 m ² . - Ngoại biên: 747 m ² .	- Trọng điểm: 980m ² . - Ngoại biên: 11.320 m ² .	- Trọng điểm: 590 m ² . - Ngoại biên: 650 m ² .	747 m ²
5.	Trạm Phước Hòa, Sông Dinh, Long Hải	- Trọng điểm: 450 m ² . - Ngoại biên: 330 m ² .	- Trọng điểm: 450 m ² . - Ngoại biên: 1.290 m ² .	- Trọng điểm: 260 m ² . - Ngoại biên: 280 m ² .	330 m ²
6.	Trạm Nhơn Trạch, LBVI/2, nhà nghỉ	- Trọng điểm: 1.345 m ² . - Ngoại biên: 4.725 m ² .	- Trọng điểm: 1.345 m ² . - Ngoại biên: 9.896 m ² .	- Trọng điểm: 1.345 m ² . - Ngoại biên: 2.275 m ² .	3.175 m ²
7.	Trạm Hiệp Phước, nhà nghỉ	- Trọng điểm: 602 m ² . - Ngoại biên: 2.118 m ² .	- Trọng điểm: 602 m ² . - Ngoại biên: 6.708 m ² .	- Trọng điểm: 602 m ² . - Ngoại biên: 6.708 m ² .	
8.	Trạm van Hội Bài	- Trọng điểm: 300 m ² . - Ngoại biên: 700 m ² .	- Trọng điểm: 300 m ² . - Ngoại biên: 700 m ² .	- Trọng điểm: 300 m ² . - Ngoại biên: 700 m ² .	700 m ²
(Chi tiết bảng tính cho từng khu vực đính kèm tại Phụ lục 1 của PVCV này)					



**PHÒNG NGỪA, XỬ LÝ CÔN TRÙNG, ĐỘNG VẬT GÂY HẠI
TẠI CÁC CÔNG TRÌNH DO KDN QUẢN LÝ**

KDN.ATMT.PVCV.17

Rev.01

Trang: 6/10

- Diện tích thực tế để triển khai công việc có thể thay đổi (đúng diện tích khảo sát hoặc giảm đi) tùy thuộc vào mùa (khô hay mưa), vào vụ dịch (dịch sốt xuất huyết..), vào mùa sinh đẻ của côn trùng (mùa mưa muỗi đẻ nhiều, nóng ẩm ruồi, gián đẻ nhiều...) và thực hiện phân loại thành Khu vực trọng điểm, khu vực ngoại biên.
- **Khu vực trọng điểm:** bao gồm toàn bộ diện tích văn phòng, nhà điều hành, nhà xưởng, nhà kho, nhà ăn...là các khu vực tiềm ẩn nguy cơ cao xuất hiện côn trùng gây hại, chuột, mối và rắn, có rủi ro cao gây ảnh hưởng, nguy hại đến con người, tài sản do đó cần có các biện pháp thực hiện công việc yêu cầu cao hơn (tần suất, phương pháp, liều lượng thuốc...) so với các khu vực ngoại biên.
 - + Khu vực trọng điểm đối với phòng ngừa mối: là các công trình có yêu cầu phòng chống mối mức cao hoặc mức khá (theo TCVN 7958:2008) như thư viện, văn phòng, phòng điều khiển, khu vực có nhiều thiết bị...
 - + Khu vực trọng điểm đối với phòng ngừa côn trùng gây hại, chuột: là các văn phòng làm việc, phòng điều khiển, căn tin, nhà vệ sinh....
- **Khu vực ngoại biên:** là các khu vực khác, không phải là khu vực trọng điểm và không bao gồm diện tích các bồn bể chứa sản phẩm, nước cứu hỏa, đường giao thông.
- **Khu vực xử lý phòng ngừa rắn:** Diện tích toàn trạm tính từ khuôn viên hàng rào trở vào theo diện tích qui định tại Định mức và thực tế.
- Nội dung thực hiện công việc như bảng sau:

Stt	Loại	Tần suất
1	Phòng ngừa, xử lý côn trùng (ruồi, muỗi...)	
	Định kỳ	03 tháng/lần
	Đột xuất	Khi có thông báo của KDN
2	Phòng ngừa, xử lý mối	
	Định kỳ	03 tháng/lần
	Đột xuất	Khi có thông báo của KDN
3	Phòng ngừa, xử lý chuột	
	Định kỳ	03 tháng/lần
	Đột xuất	Khi có thông báo của KDN
4	Phòng ngừa, xử lý rắn	
	Định kỳ	03 tháng/lần
	Đột xuất	Khi có thông báo của KDN

- Tiến độ thực hiện công việc 4 lần/năm hoặc khi có yêu cầu của KDN tùy theo tình hình thực tế tại các địa điểm.
- Thời gian thực hiện mỗi đợt: 10 ngày làm việc kể từ ngày KDN gửi thư yêu cầu thực hiện công việc.



**PHÒNG NGỪA, XỬ LÝ CÔN TRÙNG, ĐỘNG VẬT GÂY HẠI
TẠI CÁC CÔNG TRÌNH DO KDN QUẢN LÝ**

KDN.ATMT.PVCV.17

Rev.01

Trang: 7/10

5. YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU

5.1. Yêu cầu về tư cách pháp nhân và năng lực:

- Nhà thầu phải có tư cách pháp nhân và có một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp, trong đó, có ngành nghề kinh doanh liên quan đến hoạt động phòng chống mối cho công trình xây dựng và xử lý côn trùng gây hại...

5.2. Yêu cầu về đội ngũ nhân sự thực hiện công việc:

- Trưởng nhóm/ Cán bộ phụ trách kỹ thuật phải có chuyên môn trong các lĩnh vực nông nghiệp, sinh học, động, thực vật học.
- Đội ngũ nhân sự tham gia thực hiện công việc tại hiện trường phải có giấy xác nhận tập huấn kiến thức về sử dụng chế phẩm diệt côn trùng do chủ cơ sở xác nhận.
- Số lượng nhân sự tham gia thực hiện: Tối thiểu 3 nhân sự.
- Tất cả các nhân phải có thẻ ATVSLĐ phù hợp và còn hạn.

5.3. Yêu cầu về thiết bị, thuốc, hóa chất thực hiện công việc:

- Nhà thầu phải trang bị đầy đủ, sẵn sàng các thiết bị, dụng cụ, thuốc phòng ngừa, xử lý côn trùng gây hại, chuột, rắn và mối trước và trong quá trình thực hiện công việc.
- Tất cả các thiết bị sử dụng phải đảm bảo an toàn.
- Chỉ được sử dụng các loại thuốc, hóa chất trong danh mục được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép sử dụng, có độ an toàn cao nhất, ít ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động và môi trường làm việc nhất theo đánh giá xếp loại của cơ quan y tế và đơn vị liên quan khác.
- Thuốc, hoá chất phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, còn trong thời hạn sử dụng, có giấy phép lưu hành và được sử dụng tại Việt nam. Sử dụng thuốc, hóa chất phải theo đúng chỉ dẫn của nhà sản xuất.
- Nhà thầu có trách nhiệm thu gom vỏ/ hộp của các chế phẩm diệt côn trùng sau khi sử dụng để chuyển về nơi chứa đựng/ xử lý theo quy định.
- Các loại hóa chất sử dụng:
 - Hóa chất xử lý và phòng ngừa côn trùng: MAP PERMETHRIN 50EC/ tương đương.
 - Hóa chất xử lý và phòng ngừa chuột: STORM 0,005%/ tương đương.
 - Hóa chất xử lý và phòng ngừa mối: TERMIZE 200SC/ tương đương.
 - Hóa chất xử lý và phòng ngừa rắn: Tinh dầu xà/ tương đương.



**PHÒNG NGỪA, XỬ LÝ CÔN TRÙNG, ĐỘNG VẬT GÂY HẠI
TẠI CÁC CÔNG TRÌNH DO KDN QUẢN LÝ**

KDN.ATMT.PVCV.17

Rev.01

Trang: 8/10

6. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN:

6.1. Trách nhiệm của Chi nhánh Khí Đông Nam Bộ (KDN):

- Hướng dẫn các nội quy, quy định về an toàn, vệ sinh lao động, nội quy làm việc và các thông tin cần thiết khác cho nhân viên nhà thầu trước khi thực hiện công việc tại hiện trường.
- Hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép ra/vào, cung cấp điện/ nước và tạo điều kiện thuận lợi để nhà thầu thực hiện công việc.
- Cử nhân sự phối hợp kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện công việc và ký biên bản xác nhận khối lượng, chất lượng công việc mà nhà thầu thực hiện.
- Thông báo cho nhà thầu thời gian thực hiện công việc định kỳ hoặc đột xuất tại các công trình bao gồm:
 - + Khi có xuất hiện nhiều côn trùng, động vật gây hại, mối, chuột, rắn...
 - + Trước khi triển khai lắp đặt, thay thế các nội thất gỗ hoặc thi công công trình xây dựng mới (bao gồm sơ đồ đính kèm có thể hiện chi tiết vị trí thực hiện) ...

6.2. Trách nhiệm của nhà thầu:

6.2.1. Trách nhiệm thực hiện công việc:

- Thực hiện tại các công trình của KDN: xử trí và tư vấn cho KDN các biện pháp kỹ thuật phòng ngừa, xử lý côn trùng gây hại, chuột, mối và rắn phù hợp, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đạt hiệu quả cao, không gây độc hại cho người, hư tại tài sản và các hoạt động SXKD của KDN, không gây ảnh hưởng đến môi trường.
 - + Các biện pháp kỹ thuật bao gồm: xác định các vị trí/khu vực cần thực hiện, lựa chọn các loại thuốc, chế phẩm...được phép sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành và cách thức sử dụng (phun, xịt, đặt thuốc...).
 - + Chuẩn bị các quy trình thực hiện công việc, quy trình phối hợp, đánh giá rủi ro gửi cho chủ đầu tư để phê duyệt trước khi thực hiện công việc.
- Đối với phòng chống mối cho các công trình của KDN: đảm bảo áp dụng thực hiện theo đúng quy định tại TCVN 7958:2008 – Bảo vệ công trình xây dựng - Phòng chống mối cho công trình xây dựng.
- Chuẩn bị nhân lực, thiết bị dụng cụ để tiến hành công việc an toàn và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Mục 5 của Phạm vi công việc này.
- Công việc được nghiệm thu khi có đầy đủ các biên bản xác nhận khối lượng, chất lượng công việc.

6.2.2. Trách nhiệm về an toàn trong quá trình thực hiện công việc:

- Nhân sự thực hiện công việc của nhà thầu phải có chứng chỉ ATVSLEĐ phù hợp và còn hạn.



**PHÒNG NGỪA, XỬ LÝ CÔN TRÙNG, ĐỘNG VẬT GÂY HẠI
TẠI CÁC CÔNG TRÌNH DO KDN QUẢN LÝ**

KDN.ATMT.PVCV.17

Rev.01

Trang: 9/10

- Nhân sự của nhà thầu phải tham gia huấn luyện an toàn do KDN tổ chức trước khi thực hiện công việc.
- Trang bị đầy đủ BHLĐ trong quá trình thực hiện công việc tại hiện trường.
- Tuân thủ mọi nội quy, quy định của KDN về việc ra vào và làm việc tại công trình khi.
- Nhà thầu phải tự lo phương tiện đi lại, ăn ở cho nhân sự của nhà thầu khi thực hiện công việc.
- Chịu mọi tổn thất do lỗi của nhà thầu gây ra trong quá trình thực hiện công việc.



**PHÒNG NGỪA, XỬ LÝ CÔN TRÙNG, ĐỘNG VẬT GÂY HẠI
TẠI CÁC CÔNG TRÌNH DO KDN QUẢN LÝ**

KDN.ATMT.PVCV.17

Rev.01

Trang: 10/10

PHỤ LỤC 1:

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG / DIỆN TÍCH CHI TIẾT CHO TỪNG KHU VỰC

STT	Nội dung công việc	Khu vực xử lý	Đơn vị tính	Khu vực văn phòng				Nhà máy GPP	Trạm Phú Mỹ (GDC+GDS)	Bà Rịa	Long Hải, Sông Dinh, Phước Hoà	Khu vực Nhơn Trạch					Khu vực Hiệp Phước			Trạm van Hội Bài	Tổng diện tích chung
				Khu văn phòng	Văn phòng 101 LL	Thu viện 101 LL	266LL					Trạm Nhơn Trạch, LBV1/2, nhà nghỉ	Nhơn Trạch	Van 1 - Nhơn Trạch	Van 2 - Nhơn Trạch	Khu nhà nghỉ Nhơn Trạch	Trạm Hiệp Phước, nhà nghỉ	Hiệp Phước	Khu nhà nghỉ Hiệp Phước		
A	B	C	D	E=1+2+3	1	2	3	F	G	H	I	J=4+5+6+7	4	5	6	7	K=8+9	8	9	L	M=E+F+G+H+I+J+K+L
1	Xử lý và phòng ngừa côn trùng (ruồi, muỗi)	Trong điểm	m ²	4280	2100	1830	350	2150	2.836	980	450	1.345	725	200	300	120	602	482	120	300	12.943
		Ngoại biên	m ²	1000	1000	0	0	1.150	1.150	747	330	4.725	3.175	750	800		2.118	2.118		700	11.920
2	Xử lý và phòng ngừa mối	Trong điểm	m ²	4280	2100	1830	350	2150	2.836	980	450	1.345	725	200	300	120	602	482	120	300	12.943
		Ngoại biên	m ²	1000	1000	0	0	1.150	41.150	11.320	1.290	9.896	8.346	750	800		6.708	6.708		700	73.214
3	Xử lý và phòng ngừa chuột	Trong điểm	m ²	4280	2100	1830	350	1.025	895	590	260	1.345	725	200	300	120	602	482	120	300	9.297
		Ngoại biên	m ²	1000	1000	0	0	1.025	895	650	280	2.275	725	750	800		6.708	6.708		700	13.533
4	Xử lý và xua đuổi rắn	Khuôn viên toàn trạm	m ²	4180	2000	1830	350	9150		747	330	3.175	3.175				-			700	18.282

Ghi chú: Bảng thống kê dựa trên số liệu diện tích các PVCV đã phê duyệt trước đây của KVT và KDN là KDN.PVXH.PVCV.2025.12 ngày 17/02/2025 và KVT.ATMT.PVCV.356 rev 4 ngày 25/02/2025.



Phần 3. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG
Chương VI. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng.

Mẫu số 13. Thư chấp thuận HSĐT và trao hợp đồng

Mẫu số 14. Hợp đồng

THƯ CHẤP THUẬN HSĐT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

gửi: _____ *ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)**Về việc: Thông báo chấp thuận HSĐT và trao hợp đồng**

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư _____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận HSĐT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [*ghi tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu*] với giá hợp đồng là _____ [*ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là _____ [*ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: _____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm _____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương VIII của HSMT với số tiền _____ và thời gian hiệu lực _____ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mẫu số 14 – Hợp đồng của HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư
[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải diễn đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn

nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số:/2026/KĐN-...../TMHD

Về việc Phòng ngừa, xử lý côn trùng, động vật gây hại tại các công trình do KĐN quản lý

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội khóa XI nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Quyết định số/QĐ-KĐN ngày ... của Giám đốc Chi nhánh Khí Đông Nam Bộ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Phòng ngừa, xử lý côn trùng, động vật gây hại tại các công trình do KĐN quản lý”;
- Căn cứ Nhu cầu của Chi nhánh Khí Đông Nam Bộ - Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (KĐN) và khả năng cung cấp dịch vụ của Công ty ...

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm 2026, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CHI NHÁNH KHÍ ĐÔNG NAM BỘ - TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ : 101 Lê Lợi, P. Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh
Tài khoản : 0081000106069
Tại : Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – CN Vũng Tàu
Điện thoại : 0254 3834174 Fax: 0254 3834171
Mã số thuế: 3500102710-017
Đại diện : Ông Lê Tất Thắng - Giám đốc

Giấy ủy quyền số: 304/UQ-KVN ngày 02/12/2025 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP

BÊN B:

Địa chỉ : ____
Tài khoản: ____
Tại : ____
Điện thoại: ____ Fax: ____
Mã số thuế: ____
Đại diện : ____

Hai bên đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA

Trong Hợp đồng này các từ, cụm từ và thành ngữ sẽ được hiểu theo như định nghĩa dưới đây, trừ khi chúng nằm trong một ngữ cảnh khác:

1. Hợp đồng Là 20 điều kiện và điều khoản của Hợp đồng này, 04 phụ lục Hợp đồng và các văn bản được Hợp đồng tham chiếu đến.
2. Công việc Là công việc “Phòng ngừa, xử lý côn trùng, động vật gây hại tại các công trình do KĐN quản lý” mà Bên B phải thực hiện theo quy định tại Phụ lục 1 - Phạm vi công việc và yêu cầu thực hiện công việc và Hợp đồng này nhằm hoàn thành và bàn giao cho Bên A đưa vào sử dụng.
3. Công việc hoàn thành Là hoàn thành “Phòng ngừa, xử lý côn trùng, động vật gây hại tại các công trình do KĐN quản lý” theo quy định do Bên B thực hiện đã được nghiệm thu và bàn giao cho Bên A đưa vào sử dụng.
4. Công trường Là các công trình do KĐN quản lý
5. Ngày Là ngày theo lịch dương, kể cả ngày thứ bảy, chủ nhật, trừ các ngày lễ, tết theo quy định của Nhà nước.
6. Ngày làm việc Là ngày làm việc 8 tiếng (7h.00-11h.30; 13h.30-17h.00) từ sáng thứ Hai đến chiều thứ Sáu hàng tuần.
7. Ngày hiệu lực Là ngày Hợp đồng có hiệu lực được tính từ ngày thứ 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày được hai Bên ký chính thức và kéo dài đến khi hai Bên kết thúc thời hạn bảo hành.
Ngày kết thúc Là ngày kết thúc Thời hạn Bảo hành Công việc hoàn thành như quy định tại Điều 16 của Hợp đồng.
Chủ đầu tư hay Bên giao thầu hay Bên A Là Chi nhánh Khí Đông Nam Bộ - Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP.
8. Nhà thầu hay Bên nhận thầu hay Bên B Là Công ty ...

ĐIỀU 2. CÁC TÀI LIỆU HỢP ĐỒNG

2.1 Thành phần hợp đồng :

- Văn bản thông báo trúng thầu.
- Văn bản hợp đồng (kèm theo ... phụ lục);
- Hồ sơ mời thầu;
- Hồ sơ dự thầu;
- Các tài liệu khác có liên quan.

2.2 Hợp đồng này bao gồm: 20 điều khoản của Hợp đồng và 04 phụ lục đính kèm.

- Phụ lục 1: Phạm vi công việc;
- Phụ lục 2: Giá trị Hợp đồng;
- Phụ lục 3: Danh mục vật tư;
- Phụ lục 4: Danh sách nhân sự và phương tiện, thiết bị thi công chính;

2.3 Trường hợp có sự mâu thuẫn về nội dung giữa:

- (i) Các tài liệu Hợp đồng, nội dung các điều khoản của Hợp đồng sẽ chiếm ưu thế.
- (ii) Các phụ lục của Hợp đồng, phụ lục có số thứ tự nhỏ hơn sẽ chiếm ưu thế.

ĐIỀU 3. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện Công việc theo đúng các quy định tại Phụ lục 1 - Phạm vi công việc và yêu cầu thực hiện công việc của hợp đồng và với các trách nhiệm và quyền lợi của các Bên như quy định tại hợp đồng này.

ĐIỀU 4. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

4.1 Loại hợp đồng: Trọn gói.

4.2 Giá trị của Hợp đồng bao gồm thuế GTGT là: đồng (Bằng chữ: đồng).

Chi tiết giá trị Hợp đồng như quy định tại Phụ lục 2 đính kèm.

Ghi chú: Thuế GTGT là tạm tính. Thuế GTGT thực tế sẽ áp dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm hoàn thành công việc, nghiệm thu và xuất hóa đơn. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm nếu có sai sót về thuế GTGT.

4.3 Giá trị của Hợp đồng nêu trên đã bao gồm toàn bộ chi phí, phí, lợi nhuận và tất cả các loại thuế liên quan để Bên B thực hiện toàn bộ Công việc được quy định tại Phụ lục 1.

ĐIỀU 5. THỜI GIAN THỰC HIỆN GÓI THẦU

5.1 Thời gian thực hiện gói thầu/ thời gian hoàn thành công việc: (không bao gồm thời gian nhà thầu tạm dừng công việc chờ dừng khí (nếu có), không bao gồm các ngày lễ/tết theo quy định của Nhà nước).

(Ghi thông tin phù hợp với HSDT của nhà thầu)

5.2 Việc kéo dài thời gian thực hiện gói thầu chỉ có hiệu lực nếu được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản hoặc xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Bất khả kháng theo Điều 17.
- Tạm dừng Công việc theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Khi xảy ra một trong các trường hợp nêu trên, Hai Bên sẽ tiến hành xác định thời hạn kéo dài tương ứng để cộng vào thời hạn được nêu ở Điều 5.1 và lập biên bản bổ sung vào Hợp đồng này.

ĐIỀU 6. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

6.1 Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

6.2 Thanh toán: chia làm 4 đợt thanh toán như sau:

- Đối với 3 đợt thanh toán đầu tiên, sau khi Bên B hoàn thành công việc của từng đợt, Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B 100% giá trị thực hiện công việc của từng đợt trong vòng 10 ngày kể từ khi bên A nhận được đầy đủ hồ sơ do Bên B cung cấp gồm:
 - + Giấy đề nghị thanh toán: bản gốc;
 - + Hoá đơn VAT hợp lệ;
 - + Bảng tổng hợp diện tích, chi phí xử lý côn trùng của từng đợt: bản gốc;
 - + Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc của từng đợt: bản gốc;
 - + Giấy bảo hành công trình của từng đợt: bản gốc.
- Đối với đợt thanh toán cuối cùng (đợt 4), sau khi Bên B hoàn thành công việc, Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B giá trị còn lại của hợp đồng trong vòng 10 ngày kể từ khi bên A nhận được đầy đủ hồ sơ do Bên B cung cấp gồm:
 - + Giấy đề nghị thanh toán: bản gốc;
 - + Hoá đơn VAT hợp lệ;
 - + Bảng tổng hợp diện tích, chi phí xử lý côn trùng của đợt 4: bản gốc;
 - + Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc của đợt 4: bản gốc;
 - + Giấy bảo hành công trình của đợt 4: bản gốc;
 - + Biên bản quyết toán KL hoàn thành trong trường hợp có phát sinh tăng/giảm chi phí ngoài phạm vi Hợp đồng đã ký kết: bản gốc;
 - + Biên bản thanh lý hợp đồng: bản gốc.

6.4 Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VND).

6.5 Trường hợp việc thi công công việc bị kéo dài so với tiến độ quy định tại Hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thực hiện gia hạn bảo lãnh tạm ứng/Bảo lãnh thực hiện hợp đồng tương ứng với số ngày công việc bị kéo dài thực tế.

ĐIỀU 7. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

- 7.1 Thông báo cho Bên B bằng email/văn bản ngày bắt đầu thực hiện Công việc tại Công trường trước tối thiểu 2 Ngày làm việc để đảm bảo cho Bên B đủ thời gian chuẩn bị huy động nhân sự và vật tư thiết bị.
- 7.2 Bàn giao mặt bằng thi công hợp lý cho Bên B trước khi Bên B tiến hành thực hiện Công việc.
- 7.3 Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của mình như quy định tại Phụ lục 1 và Hợp đồng.
- 7.4 Hướng dẫn, phổ biến, giám sát nhân sự Bên B về tuân thủ các nguyên tắc, quy định, nội quy về an toàn phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, an ninh, vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thực hiện Công việc và cấp giấy phép làm việc cho Bên B.
- 7.5 Cung cấp các tài liệu cần thiết liên quan đến Công việc mà Bên A có sẵn.
- 7.6 Xem xét, phê duyệt các tài liệu do Bên B cung cấp như quy định tại hợp đồng.

7.7 Thanh toán đầy đủ và đúng thời gian như quy định tại Điều 6.

ĐIỀU 8. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

- 8.1 Nhà thầu có nghĩa vụ thực hiện và hoàn tất Công việc như quy định tại Phụ lục 1 và Hợp đồng một cách cẩn trọng, an toàn phù hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn, chuẩn mực áp dụng cho ngành công nghiệp khí, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc, quy định về an toàn phòng chống cháy nổ tại Công trường, các quy định về an ninh, an toàn, sức khỏe và môi trường do Chủ đầu tư ban hành, Chính sách AT-CL-MT của Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP; Quy trình cấp giấy phép vào/ra công trình khí; Quy trình quản lý an toàn nhà thầu và các quy định liên quan khác của KĐN. Bất kỳ nhân sự nào của Nhà thầu không có đầy đủ các chứng chỉ theo quy định sẽ không được cấp phép ra vào làm việc; Nhân sự nào nếu vi phạm các quy định về ATCLMT của KĐN sẽ bị tạm dừng công việc từ 3 – 7 ngày (tùy theo mức độ vi phạm), nếu nghiêm trọng Chủ đầu tư có thể yêu cầu thay thế nhân sự khác để thực hiện công việc. Nếu Nhà thầu vi phạm các quy định an toàn của Chủ đầu tư sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định tại quy trình cấp phép làm việc.
- 8.2 Trong vòng 14 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu phải tiến hành lập/ sửa đổi/ cập nhật/ bổ sung các tài liệu sau để Chủ đầu tư xem xét và phê duyệt:
1. Quy trình thực hiện công việc.
 2. Đánh giá rủi ro.
 3. Quy trình phối hợp và kế hoạch đảm bảo an toàn.
 4. Tiến độ chi tiết.

Các tài liệu trên sau khi được Chủ đầu tư phê duyệt sẽ là cơ sở để Các Bên triển khai thực hiện Hợp đồng. Công việc chỉ được bắt đầu khi các quy trình áp dụng đã được Chủ đầu tư xem xét, phê duyệt.

8.3 Hoàn thành Công việc theo đúng tiến độ quy định.

8.4 Nhân sự:

- Cử nhân sự chỉ huy trưởng để quản lý điều hành việc thực hiện Công việc và cán bộ phụ trách an toàn để quản lý an toàn tại công trường. Chỉ huy trưởng là đại diện đương nhiên của Nhà thầu có đủ thẩm quyền để giải quyết mọi việc có liên quan đến Công việc. Chỉ huy trưởng và cán bộ an toàn phải thường xuyên có mặt tại công trường.
- Nhà thầu phải bố trí nhân sự thực hiện Công việc theo đúng quy định của Hợp đồng. Bất kỳ sự thay đổi nào về nhân sự so với Hợp đồng đều phải được Chủ đầu tư phê duyệt trước khi huy động đến Công trường. Bất kỳ sự thay đổi nhân sự nào (nếu có) phải được thông báo cho Chủ đầu tư và được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.
- Nhà thầu bằng chi phí của mình tự đảm nhận việc vận chuyển, ăn ở, đi lại và trang bị bảo hộ lao động, các phương tiện bảo vệ cá nhân khác cho nhân sự của Nhà thầu để thực hiện Công việc.
- Bên B cam kết bố trí nhân sự tham gia thực hiện công việc phải có giao kết Hợp đồng lao động, có lý lịch rõ ràng, không có tiền án tiền sự, đảm bảo có đủ năng lực và sức khỏe để thực hiện công việc, phải biết đọc và biết viết đáp ứng các yêu cầu an ninh, an toàn, sức khỏe và môi trường đối với nhà thầu của Bên A.

8.5 Đối với vật tư, thiết bị, máy móc, phương tiện, dụng cụ thi công, Nhà thầu có trách nhiệm:

- Cung cấp đầy đủ các vật tư thiết bị, máy móc, phương tiện, dụng cụ thi công phục vụ cho Công việc theo đúng quy định tại Điều 9 của Hợp đồng.
- Giữ gìn và bảo quản các vật tư thiết bị, máy móc, phương tiện, dụng cụ thi công trong suốt quá trình thực hiện và hoàn thành Công việc. Mọi mất mát, hư hỏng đối với vật tư thiết bị, máy móc, phương tiện, dụng cụ thi công sẽ thuộc trách nhiệm của Nhà thầu.
- Vật tư thiết bị, máy móc, phương tiện, dụng cụ thi công do Nhà thầu cung cấp phải tuyệt đối đảm bảo vấn đề vệ sinh và an toàn môi trường tại Công trường. Nhà thầu phải có các biện pháp hợp lý, chủ động nhằm giảm thiểu, hạn chế và loại bỏ các tác động xấu đối với môi trường do vật tư, thiết bị thi công của Nhà thầu gây ra.
- Tất cả các máy móc thiết bị phục vụ cho thi công phải có chứng chỉ hiệu chuẩn/kiểm định còn hiệu lực.
- Trường hợp Công việc bị chậm trễ do vật tư thiết bị, máy móc, phương tiện, dụng cụ thi công không được huy động kịp thời đến Công trường hoặc đã huy động nhưng không hoạt động theo đúng yêu cầu, chức năng để phục vụ các yêu cầu của Công việc thì Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc chậm tiến độ cũng như các chi phí phát sinh và có nghĩa vụ bồi thường cho Chủ đầu tư các thiệt hại do việc chậm trễ này gây ra, nếu có.
- Bố trí và sắp xếp vật tư thiết bị, máy móc, phương tiện, dụng cụ thi công và thực hiện Công việc tránh gây tác động, ảnh hưởng, cản trở, ách tắc đến mọi hoạt động và lưu thông trong Công trường và các khu vực lân cận.
- Bất kỳ tổn thất, thiệt hại nào về tài sản, nhân mạng tại Công trường gây ra bởi vật tư thiết bị, máy móc, phương tiện, dụng cụ thi công hoặc/ và hành động của Nhà thầu đều thuộc trách nhiệm của Nhà thầu và sẽ được Nhà thầu bồi thường trên cơ sở tổn thất, thiệt hại thực tế xảy ra.
- Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.
- Nhà thầu để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

8.6 Hạ tầng kỹ thuật và các vật dụng khác phục vụ cho thi công:

- (i) Nhà thầu, bằng chi phí của mình, có trách nhiệm cung cấp nhiên liệu, các vật dụng dự trữ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác phục vụ cho thi công Công việc (hàng rào tạm, bao che, bảng hiệu nhằm bảo đảm an ninh, an toàn lao động...v...v...);
- (ii) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giấy phép cho tất cả loại xe, máy móc, thiết bị liên quan đến công tác thi công;
- (iii) Việc triển khai hạ tầng kỹ thuật phục vụ thi công phải đảm bảo an toàn tuyệt đối. Mọi tai nạn có liên quan, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm hoàn toàn;
- (iv) Nhà thầu, bằng chi phí của mình, có trách nhiệm lập và triển khai hệ thống phương tiện cảnh báo phù hợp tại các khu vực thi công nhằm đảm bảo an toàn cho người và tài sản tại khu vực thi công;

- 8.7 Nhà thầu có trách nhiệm bảo đảm an toàn cho các thiết bị hiện hữu của Chủ đầu tư tại Công trường khi thi công. Bất kỳ hoạt động nào của Nhà thầu tại Công trường không bảo đảm an toàn, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu dừng Công việc và thông báo tới Nhà thầu, Nhà thầu phải có trách nhiệm khắc phục ngay lập tức. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu ngừng Công việc nếu thấy việc thực hiện Công việc của Nhà thầu không bảo đảm an toàn và gây nguy hiểm.
- 8.8 Nhà thầu phải chịu trách nhiệm và bồi hoàn tất cả những tổn thất, thiệt hại về tài sản của Chủ đầu tư hoặc/ và của bên thứ ba do sự bất cẩn hoặc lỗi của Nhà thầu trong quá trình thực hiện Hợp đồng gây ra.
- 8.9 Nhà thầu phải thực hiện những biện pháp hợp lý nhằm bảo vệ môi trường (cả trong và ngoài Công trường) và hạn chế những hư hại, ảnh hưởng đối với người và tài sản do ô nhiễm, tiếng ồn và những hậu quả khác do hoạt động của Nhà thầu gây ra trong suốt quá trình thực hiện Công việc. Nhà thầu bằng chi phí của mình có trách nhiệm dọn sạch và đưa ra khỏi Công trường vật tư, máy móc, thiết bị thi công của Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, các công trình tạm v...v... trả lại trạng thái sạch sẽ và an toàn cho Công trường trước khi ký Biên bản bàn giao đưa vào sử dụng.
- 8.10 Nhà thầu có trách nhiệm phát hóa đơn đúng quy định của Pháp Luật và phải chịu tất cả trách nhiệm về các sai phạm về hóa đơn gây ra cho các bên (nếu có).

ĐIỀU 9. VẬT TƯ, THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ THI CÔNG

- 9.1 Tất cả vật tư phục vụ cho thi công do Bên B cung cấp theo hợp đồng này phải đủ số lượng, mới 100%, chưa qua sử dụng, có xuất xứ, quy cách, đặc tính kỹ thuật theo đúng các quy định tại Phụ lục 3 của Hợp đồng.
- 9.2 Bên B có trách nhiệm tập kết đầy đủ vật tư đến Công trường. Sau khi vật tư thiết bị đã được tập kết đầy đủ tại Công trường, đại diện Bên A, Bên B sẽ tiến hành kiểm tra về số lượng, chất lượng và quy cách kỹ thuật của vật tư theo quy định của Hợp đồng này.
- 9.3 Nếu qua quá trình kiểm tra mà bất kỳ một vật tư nào đó được phát hiện sai sót và/hoặc không đạt yêu cầu về chất lượng như quy định tại Hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối sử dụng vật tư thiết bị đó cho mục đích Công việc và Bên B phải nhanh chóng tiến hành thay mới vật tư thiết bị không đạt yêu cầu này. Mọi chi phí liên quan đến việc thay thế vật tư thiết bị và chậm tiến độ do việc thay thế này gây ra, nếu có, sẽ thuộc trách nhiệm Bên B.
- 9.4 Bên B có trách nhiệm tập kết đầy đủ thiết bị, phương tiện thi công đến Công trường. Đại diện Bên A, Bên B sẽ tiến hành kiểm tra về chất lượng, điều kiện an toàn của thiết bị, phương tiện thi công theo quy định của hợp đồng trước khi cho phép Bên B thực hiện công việc.

ĐIỀU 10. BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- 10.1 Nhà thầu phải thực hiện biện pháp mở bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo các yêu cầu sau:
- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: không muộn hơn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng;
 - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nộp tiền mặt tại Phòng Tài chính Kế toán của Bên A; hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên A; hoặc thư bảo lãnh do một

ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với đầy đủ nội dung và được Bên A chấp thuận;

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá trị hợp đồng như quy định tại Điều 4;
 - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng đến khi Bên B hoàn thành công việc theo quy định tại hợp đồng (công trình được nghiệm thu, bàn giao và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định) cộng thêm 30 ngày. Bên A có quyền yêu cầu và Bên B có trách nhiệm thực hiện gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B chưa hoàn thành Công việc và chưa bàn giao Công việc cho Bên A.
- 10.2 Trường hợp Bên B không thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng, Bên A có quyền sử dụng Bảo đảm thực hiện Hợp đồng. Mọi chi phí liên quan đến Bảo đảm thực hiện Hợp đồng do Bên B chịu.
- 10.3 Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho Nhà thầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Nhà thầu nộp cho Chủ đầu tư Bảo lãnh bảo hành Công việc theo quy định tại Điều 16.

ĐIỀU 11. PHẠT CHẬM TIẾN ĐỘ

- 11.1 Nếu do lỗi của mình, Bên B không hoàn thành Công việc tại Công trường theo đúng tiến độ tại Điều 5.1, Bên B phải chịu phạt một khoản tiền tương đương với 01% (một phần trăm) giá trị Hợp đồng cho mỗi tuần chậm tiến độ. Tuy nhiên tổng số tiền phải trả do chậm tiến độ không quá 08% (tám phần trăm) giá trị Hợp đồng.
- 11.2 Nếu số ngày chậm thực hiện không chẵn tuần (không chia hết cho 7) thì số ngày lẻ tuần này (số dư của phép chia cho 7) được tính như sau: i) ít hơn 4 ngày không tính; ii) từ 4 ngày trở lên sẽ được tính là một tuần.
- 11.3 Việc phạt chậm tiến độ sẽ được trừ vào giá trị thanh toán như quy định tại Điều 6.1.

ĐIỀU 12. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

- 12.1 Bên B chỉ được phép tiến hành thay đổi, phát sinh khối lượng các công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc của hợp đồng khi Bên A có văn bản yêu cầu thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện hoặc trong trường hợp bất khả kháng.
- 12.2 Nếu khối lượng công việc phát sinh đã có đơn giá trong hợp đồng thì giá trị phần khối lượng phát sinh được tính theo đơn giá đó.
- Nếu khối lượng công việc phát sinh không có đơn giá ghi trong hợp đồng thì giá trị phát sinh được tính theo quy định hiện hành của nhà nước; Trường hợp không có đơn giá theo quy định của Nhà nước thì hai Bên sẽ thỏa thuận xác định đơn giá mới.
- 12.3 Khối lượng và đơn giá phát sinh phải được Bên A phê duyệt trước khi tiến hành thi công.
- 12.4 Thời gian Bên B tiến hành thực hiện các Công việc phát sinh sẽ không tính vào thời gian thực hiện của Hợp đồng này.
- 12.5 Hai bên thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng để thực hiện các công việc phát sinh (nếu có).

12.6 Trong một số trường hợp do điều kiện thời tiết hoặc các tình huống phát sinh thực tế Bên B có thể đề xuất gia hạn thời gian thực hiện công việc để Bên A xem xét.

ĐIỀU 13. BẢO HIỂM

Bên B chịu trách nhiệm tất cả các vấn đề liên quan đến việc mua bảo hiểm theo đúng các quy định hiện hành của Nhà Nước đối với:

- (i) Tai nạn lao động, thương tật, tử vong cho tất cả Nhân sự của Bên B tham gia thực hiện Công Việc.
- (ii) Toàn bộ thiết bị, máy móc phục vụ thi công.
- (iii) Trách nhiệm về người và tài sản đối với bên thứ ba trong suốt thời gian thi công.

ĐIỀU 14. NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO

14.1 Nghiệm thu: Sau khi Công việc hoàn thành, hai Bên sẽ thực hiện việc nghiệm thu Công việc.

- (i) Bên B có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ nghiệm thu, kế hoạch tổ chức nghiệm thu và thông báo cho Bên A tổ chức nghiệm thu Công việc hoàn thành.
- (ii) Nếu Công việc không đạt yêu cầu về chất lượng, Bên A có quyền từ chối nghiệm thu và yêu cầu Bên B bồi thường theo quy định của Hợp đồng và khắc phục cho đến khi được Bên A chấp nhận nghiệm thu.

14.2 Ngày hai Bên ký biên bản nghiệm thu Công việc hoàn thành và đưa vào sử dụng là ngày bàn giao Công việc hoàn thành cho Bên A.

14.3 Tất cả các biên bản nghiệm thu và bàn giao theo Hợp đồng này sẽ được Bên B lập theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

ĐIỀU 15. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

15.1 Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng khi xảy ra một hoặc nhiều trường hợp sau:

- (i) Bên B bị phá sản, giải thể hoặc chuyển nhượng hợp đồng cho một Bên thứ ba mà không được sự chấp thuận của Bên A;
- (ii) Bên B từ chối thực hiện công việc theo hợp đồng hoặc sau 56 (năm mươi sáu) Ngày Bên B không thực hiện công việc theo hợp đồng, dẫn đến vi phạm tiến độ thực hiện của hợp đồng, trừ trường hợp được phép của Bên A;
- (iii) Trường hợp tại Điều 17.6.

15.2 Khi chấm dứt hợp đồng theo Điều 15.1(i, ii) thì Bên A có quyền:

- (i) Thuê bên thứ ba thực hiện và hoàn thành Công việc theo đúng các quy định của hợp đồng. Tất cả các chi phí phải trả cho Bên thứ ba sẽ được Bên B thanh toán trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh;
- (ii) Sử dụng Bảo đảm thực hiện Hợp đồng như quy định tại Điều 10 và hưởng các khoản tiền phạt vi phạm theo quy định tại Hợp đồng.

15.3 Khi chấm dứt Hợp đồng theo Điều 15.1.(iii) thì, trên cơ sở khối lượng công việc đã được Bên B thực hiện tính đến thời điểm xảy ra Bất Khả Kháng, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B tất cả những chi phí thực tế mà Bên B đã chịu để thực hiện và hoàn thành khối lượng công việc này theo đơn giá đã được quy định tại Hợp đồng.

15.4 Một Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trong trường hợp Bên kia vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng và đã được yêu cầu sửa chữa khắc phục các vi phạm bằng văn bản, nhưng sau khi nhận được yêu cầu Bên vi phạm vẫn không tiến hành sửa chữa khắc phục vi phạm đó. Bên vi phạm có trách nhiệm chịu tất cả các khoản tiền phạt và bồi thường như sau:

- (i) Tiền phạt vi phạm Hợp đồng tương đương 8% giá trị Hợp đồng như quy định tại Điều 4;
- (ii) Tất cả các chi phí mà Bên bị vi phạm đã chịu để ngăn chặn và hạn chế các thiệt hại do hành động vi phạm của Bên vi phạm gây ra;
- (iii) Tiền bồi thường thiệt hại mà Bên bị vi phạm đã phải trả cho bên thứ ba là hậu quả trực tiếp của hành động vi phạm của Bên vi phạm gây ra.

15.5 Bên B không được quyền chuyển nhượng cho hoặc thuê thầu phụ với bất kỳ bên thứ ba nào. Trong trường hợp Bên B vi phạm những vấn đề này thì Bên A có quyền hủy bỏ hợp đồng.

ĐIỀU 16. BẢO HÀNH

Bên B có trách nhiệm bảo hành chất lượng dịch vụ trong vòng 03 tháng kể từ ngày nghiệm thu công việc của từng đợt. Trong thời gian bảo hành nếu xuất hiện nhiều côn trùng trở lại hoặc thuốc diệt côn trùng không còn tác dụng tồn lưu trên vách tường (tức là không thấy xác côn trùng tự chết trong các khu vực đã được xử lý) thì Bên B sẽ tổ chức phun diệt lại miễn phí cho Bên A.

ĐIỀU 17. BẤT KHẢ KHÁNG

17.1 “Bất khả kháng” nghĩa là bất kỳ sự kiện hay hoàn cảnh nào hoặc tập hợp của các sự kiện, hoàn cảnh nào vượt ra ngoài sự kiểm soát của các bên làm cho bên đó không thể thực hiện một phần hay toàn bộ trách nhiệm của mình theo hợp đồng bao gồm nhưng không hạn chế ở: thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự thay đổi của luật pháp, thay đổi chính sách và các quy định khác có tính chất tương tự của Nhà nước liên quan trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng.

17.2 Những khó khăn như hồ sơ thiết bị không đầy đủ, máy móc thi công, thiếu lao động, bãi công, v...v... không được xem là Bất khả kháng và không giải phóng Nhà thầu khỏi trách nhiệm thực hiện hợp đồng hay là lý do chính đáng để Nhà thầu trì hoãn/kéo dài việc thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

17.3 Nếu bên nào bị ảnh hưởng của Bất khả kháng thì nghĩa vụ thực hiện hợp đồng của bên đó sẽ được tạm dừng trong thời gian xảy ra Bất khả kháng cộng với thời gian hợp lý để khắc phục hậu quả Bất khả kháng.

17.4 Ngay lập tức song không muộn hơn 03 (ba) ngày, Nhà thầu bị ảnh hưởng của Bất khả kháng thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện Bất khả kháng.

Nếu thông báo về sự kiện Bất khả kháng chậm hơn so với thời hạn nêu trên, Nhà thầu bị ảnh hưởng của Bất khả kháng sẽ mất quyền miễn trách về Bất khả kháng theo quy định tại hợp đồng này.

Nhà thầu bị ảnh hưởng của Bất khả kháng có trách nhiệm sử dụng những nỗ lực hợp lý để khắc phục ảnh hưởng của Bất khả kháng hoặc làm giảm nhẹ hậu quả của ảnh hưởng đó trong thời gian sớm nhất có thể.

- 17.5 Xác nhận của Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, chi nhánh Vũng Tàu là bằng chứng pháp lý xác nhận bản chất và khoảng thời gian kéo dài của sự kiện Bất khả kháng.
- 17.6 Nếu Bất khả kháng kéo dài liên tục hơn 30 (ba mươi) ngày, các Bên có quyền chấm dứt Hợp đồng mà không cần phải thông báo cho Bên còn lại và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại, tổn thất nào do việc chấm dứt hợp đồng này gây ra.

ĐIỀU 18. MIỄN TRÁCH VÀ BỒI THƯỜNG

- 18.1 Kể từ Ngày Hiệu lực của Hợp đồng, Bên B sẽ bồi thường cho Bên A tất cả các chi phí liên quan đến và bảo vệ cho Bên A được miễn trừ trước tất cả các khiếu nại, kiện tụng, trách nhiệm xảy ra liên quan đến quá trình thực hiện hợp đồng đối với:
- Tai nạn, thương tật, tử vong đối với lao động, nhân sự của Bên B và/hoặc bên thứ ba;
 - Tổn thất, thiệt hại về tài sản của Bên B và/hoặc bên thứ ba.
- 18.2 Trong suốt thời gian thi công, hoàn thiện Công việc và sửa chữa sai sót, Bên B phải:
- (i) Tuân thủ các yêu cầu, hướng dẫn và chỉ đạo của Bên A nhằm đảm bảo an toàn, an ninh và vệ sinh môi trường;
 - (ii) Quan tâm đầy đủ đến những người có mặt trên Công trường, quản lý toàn bộ Công trường trong thời gian Công việc chưa được nghiệm thu, bàn giao cho Bên A trong tình trạng trật tự thích đáng, tránh gây nguy
 - (iii) Tiến hành các biện pháp hợp lý nhằm bảo vệ môi trường, an toàn lao động, an toàn cháy nổ tại Công trường, tránh gây thiệt hại hoặc làm phiền hà, cản trở hoạt động đến người hoặc tài sản của Các Bên cũng như công cộng hoặc những nguyên nhân khác do kết quả của phương thức hoạt động của mình gây ra.
- 18.3 Bên B phải chịu trách nhiệm và miễn trách hoàn toàn cho Bên A về tất cả các vấn đề có liên quan đến bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người của Bên B và Bên A tham gia thi công, kiểm tra, giám sát... Công việc.
- 18.4 Không Bên nào phải chịu các trách nhiệm đối với bên kia đối với các thiệt hại về thu nhập, lợi nhuận, mất khả năng kinh doanh, khả năng cạnh tranh xảy ra do lỗi của bên đó không tuân thủ chặt chẽ các quy định về thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 19. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 19.1 Luật áp dụng cho Hợp đồng là Luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- 19.2 Bất kỳ sự tranh chấp nào phát sinh từ hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa hai Bên trên tinh thần hợp tác, hai Bên cùng có lợi. Các tranh chấp hai Bên không tự giải quyết được sẽ trình Toà án Nhân dân khu vực XI – Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo quy định của pháp luật. Quyết định của Toà án Nhân dân là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với Các Bên.
- 19.3 Các chi phí Tòa án sẽ do bên thua kiện chịu.

19.4 Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng ràng buộc Hai Bên.

ĐIỀU 20. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

20.1 Mọi sửa đổi hoặc bổ sung Hợp đồng chỉ có giá trị khi được lập bằng văn bản và có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của hai bên.

20.2 Tất cả các tài liệu liên quan đến Hợp đồng sẽ được các bên gửi theo địa chỉ liên lạc sau:

Địa chỉ liên lạc của Bên A:

Địa chỉ: Số 101 đường Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0254.3834174 Fax: 0254.3834171

Đại diện: Ông Lê Tất Thắng - Giám đốc

Địa chỉ liên lạc của Bên B:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Đại diện:

20.3 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày Hiệu lực của Hợp đồng và kéo dài cho đến khi hai Bên hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định của Hợp đồng.

20.4 Hợp đồng này sử dụng ngôn ngữ Tiếng Việt, được lập thành 4 (bốn) bản, Bên A giữ 03 (ba) bản, Bên B giữ 01 (một) bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC 1

PHẠM VI CÔNG VIỆC VÀ YÊU CẦU THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

PHỤ LỤC 2

GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

PHỤ LỤC 3

**DANH MỤC VẬT TƯ VÀ THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN THI CÔNG
CHÍNH**

PHỤ LỤC 4

DANH SÁCH NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

PHỤ LỤC 01

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi căn cứ theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.

2.1 Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
Stt	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽¹⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế ⁽²⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết cùng với đơn dự thầu
3	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽³⁾ năm tài chính gần nhất (2023-2025) so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 470.489.307 VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành ⁽⁴⁾ tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽⁵⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, trong đó: Hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: Liên quan đến dịch vụ cung cấp	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05

		hóa chất/ chế phẩm diệt khuẩn/ diệt côn trùng và xử lý côn trùng, động vật gây hại; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 152.438.535 VND.				
--	--	--	--	--	--	--

5/4

10/10/2023
10/10/2023
10/10/2023
10/10/2023
10/10/2023
10/10/2023
10/10/2023
10/10/2023
10/10/2023
10/10/2023

Ghi chú: Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bản gốc hồ sơ về năng lực, kinh nghiệm để xác minh, làm rõ tính trung thực trong việc kê khai thông tin và nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

(1) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(2) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (Chủ đầu tư có thể yêu cầu cung cấp bản gốc để đối chiếu khi nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, nếu cần thiết). Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế. (bản gốc/ bản chứng thực).

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(3) Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số

năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1; Y-2...).

(4) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu. Trong đó:

+ Hạng mục công việc đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng công việc trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục công việc đã thực hiện để xác định hạng mục công việc tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ công việc đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(5) Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

Nhà thầu cung cấp bản sao **hợp đồng tương tự có chứng thực** khi nộp thầu kèm theo hồ sơ chứng minh việc nhà thầu đã thực hiện hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bản sao chụp từ bản chính có đóng dấu treo của nhà thầu một trong các giấy tờ sau: Biên bản nghiệm thu hoặc biên bản thanh lý hợp đồng. Riêng hợp đồng đã ký với Bên mời thầu thì không cần công chứng.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Nhân sự chủ chốt:

Trường hợp HSMT có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự

khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được cụ thể trong bảng dưới đây. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/ trình độ chuyên môn
1	Nhóm trưởng/ Cán bộ phụ trách kỹ thuật	01	Có chuyên môn trong các lĩnh vực nông nghiệp, sinh học, động, thực vật học. ≥ 02 năm kinh nghiệm làm việc liên quan đến hóa chất/ chế phẩm diệt khuẩn/ diệt côn trùng và xử lý côn trùng gây hại.	- Tốt nghiệp từ Trung cấp trở lên đối với lĩnh vực, nông nghiệp, sinh học, động, thực vật học. - Có giấy xác nhận tập huấn kiến thức về cách đọc thông tin trên nhãn chế phẩm, cách sử dụng chế phẩm an toàn... do chủ cơ sở xác nhận. - Có chứng nhận/ thẻ ATVSLĐ.

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu: Không yêu cầu.

Ghi chú:

Nhà thầu cung cấp các giấy tờ liên quan để chứng minh năng lực kinh nghiệm phần nhân sự chủ chốt và thiết bị, gồm:

- Bảng kê khai năng lực kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt có ký xác nhận, đóng dấu của Đại diện nhà thầu - bản gốc;
- Bảng cấp, chứng chỉ của nhân sự chủ chốt - bản **công chứng** (KĐN có thể kiểm tra bảng gốc nếu cần).
- Đối với chứng chỉ hành nghề của tổ chức quốc tế cấp: Cung cấp bản sao thẻ/chứng chỉ có số ID hợp lệ để kiểm tra (không cần bản sao công chứng).
- Hợp đồng lao động/ giấy tờ chứng minh khả năng huy động nhân sự chủ chốt: bản sao y của nhà thầu.
- Các chứng từ chứng minh khả năng sở hữu thiết bị thi công, trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng thuê thiết bị kèm theo tài liệu chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê,... để chứng minh năng lực kỹ thuật ở các mục trong bảng tiêu chí đánh giá trên.
- Các chứng chỉ/ tài liệu của thiết bị.

- Đối với các chứng chỉ còn hiệu lực trước thời điểm đóng thầu, tuy nhiên lại sắp hết hiệu lực thì nhà thầu cam kết gia hạn hiệu lực chứng chỉ trước khi triển khai thi công và duy trì trong toàn bộ thời gian thi công.

Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

00
CHIA
NG
CÓ
NA
Đ. PH
SCH

52

PHỤ LỤC 02

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt. HSDT được đánh giá đạt về kỹ thuật sẽ được đánh giá bước tiếp theo

TT	Nội dung tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chí đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Hóa chất/ thuốc/ chế phẩm sử dụng cho công việc		
	Có danh mục hóa chất/ thuốc/ hóa phẩm sử dụng cho công việc mà nhà thầu sử dụng, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo Phạm vi công việc số KĐN.ATMT.PVCV.17.	Đáp ứng	Không đáp ứng
2	Quy trình phối hợp, an toàn lao động, ứng cứu khẩn cấp và vệ sinh môi trường		
	- Nhà thầu lập quy trình phối hợp, trình bày trách nhiệm của các bên, sơ đồ tổ chức, sơ đồ liên lạc giữa các bên hợp lý (KĐN-Nhà thầu). - Sơ đồ phối hợp ứng cứu khẩn cấp khi có tai nạn sự cố trên công trường hợp lý.	Đáp ứng	Không đáp ứng
3	Quy trình thực hiện công việc		
	Nhà thầu lập Quy trình biện pháp chống, tiêu diệt (bao gồm phương pháp, danh mục thuốc, liều lượng thuốc) cụ thể cho từng đối tượng: côn trùng, mối, chuột, rắn, phù hợp với các vị trí, khu vực được nêu trong Phạm vi công việc số KĐN.ATMT.PVCV.17.	Đáp ứng	Không đáp ứng
4	Tiến độ thực hiện công việc		
	Thời gian thực hiện công việc là 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Trong đó số lần thực hiện là 4 đợt, mỗi đợt là 10 ngày làm việc theo thông báo của KĐN hoặc khi có yêu cầu của KĐN tùy theo tình hình thực tế tại các địa điểm.	Đáp ứng	Không đáp ứng
5	Yêu cầu bảo hành		
	Thời gian bảo hành 03 tháng cho mỗi đợt thực hiện công việc.	Đáp ứng	Không đáp ứng

Ghi chú:

Nhà thầu có trách nhiệm nghiên cứu nội dung công việc cần thực hiện tại Phạm vi công việc số KĐN.ATMT.PVCV.17 ngày 27/02/2026 thuộc Chương V – Yêu cầu thực hiện công việc để đưa ra các giải pháp kỹ thuật thi công, biện pháp quản lý chất lượng và an toàn, tiến độ thi công... phù hợp.

- Nhà thầu được khuyến nghị thực hiện khảo sát tại hiện trường để có cơ sở xây dựng phương án hợp lý;
- Nhà thầu phải kèm theo các nội dung sau để Chủ đầu tư có cơ sở đánh giá mức độ đáp ứng của HSDT:
 - + Phương án thi công;
 - + Bảng tiến độ thi công chi tiết;
 - + Danh mục vật tư chính (có nêu chủng loại, nhà sản xuất, xuất xứ...).